

BA NHÂN - VẬT KIẾN - LẬP

TRONG LỊCH-SỬ NƯỚC TA



Nay có câu hỏi rằng: Ai là nhân-vật kiến-lập trong lịch-sử nước ta? Vua Kinh-dương, vua Lạc-long đây phải không? Thiết-tướng chưa phải. Thế thì vua Lý Nam-đế, vua Triệu Việt-vương đây phải không? Thiết-tướng cũng chưa phải. Thế thì vua Ngô-Quyền, vua Đinh Tiên-hoàng, vua Lý Thái-tổ đây phải không? Thiết-tướng cũng chưa phải. Thế thì ai là nhân-vật kiến-lập trong lịch-sử nước Nam ta? Thưa rằng có một hạng nhân-vật, xưa nay người học sử ít hay bàn nói đến, mà quốc-dân ít ai ca-tụng đến. Hạng ấy là những ai? Là hai cha con ông Khúc Thừa-Dụ và ông Dương Diên-Nghệ, gồm có ba người vậy.

Người học sử nên biết rằng, cuộc tiến-hóa của nhân-loại trong thế-giới, từ xưa đến nay, phạm lịch-sử trong một nước tất phải do thời-kỳ phối-thai, đến thời-kỳ tiên-túc, do thời-kỳ tiên-túc đến thời-kỳ kiến-lập, do thời-kỳ kiến-lập đến thời-kỳ thanh-lập, do thời-kỳ thanh-lập đến thời-kỳ toàn-thịnh.

Thế nào là thời-kỳ phối-thai? Thời-kỳ ấy là thời-kỳ nhân-loại bắt đầu mới sinh ra, dân-trí còn chất-phác, mọi sự văn-minh còn huyền-bí bao-hàm mà chưa phát-hiện, khi đó văn-tự thì chưa có, chế độ thì chưa thành tuy rằng có vua nhưng cũng chẳng qua là một kẻ thông-minh mạnh-mẽ hơn cả quần-chúng, quần-chúng thì suy-suy xuẩn-

xuẩn, tự-nhiên phải nghe theo, bảo sao nghe vậy, dạy gì biết ấy, tức là thời-dại tù-trường và là thời-dại thượng cổ. Những danh-hiệu tốt-đẹp của các bộ-lạc, hay là của các vua chúa và những sự truyền-kỳ của thời-dại ấy, đều là người sau tô-diêm cho thần-dị lên, nên chỉ thời-dại ấy hay có truyền hoang-dương là vì thế.

Thế nào là thời-kỳ tiên-túc? Lại gì tri dân chưa khai, về người chưa rạng, tất phải trải qua một thời kỳ khá lâu, tối sáng mập-mờ, nào là cái bản-năng của dân-tộc hiện dần ra, nào là cái văn-minh của dân-tộc khác nhuần-thấm vào, ít ra cũng phải nghìn năm, trí-thức, đạo-đức, tính-cách người mới dần-da thành-lập, chủ-nghĩa quốc-gia mới dần-dà rõ-rệt. Trong thời-kỳ tối sáng mập-mờ và lâu dài ấy, gián-hoặc cũng có người tài-đức đặc-biệt với người thường, nhưng cũng chẳng qua mới là có cái danh-tiếng trong lịch-sử đấy mà thôi, chưa phải là đã có kết-quả mỹ-mãn gì cho lắm.

Thế nào là thời-kỳ kiến lập? Trí-thức đã khai, đạo-đức đã có, nhưng cách tổ-chức cũng phải có công-phu khó-nhọc và kiến-thức sâu xa, mới xây đắp được nền-tảng, trong thời-kỳ ấy phần thì nền-tảng chưa vững, phần thì mưa gió lung-lay, vạn-sự cho đến nhân-tài cái gì cũng còn thiếu-thốn, cái gì cũng còn bỡ-ngờ, nên chỉ khó nhất là thời-kỳ ấy, mà những nhân-

vật hiện về thời-kỳ ấy, thường ít có người biết đến công-lao, mà thường có khi bị người ché-bại mặt-sát đi cũng nên.

Thế nào là thời kỳ thành-lập? Tự quốc-gia cho đến xã-hội, vạn-sự đều đã có trật-tự nền-nếp, kẻ bình-thường thì cứ theo gương người trước mà làm. kẻ hiền-triết hao-kiệt thì làm cho quang-dại thêm lên, kẻ trái ngược chũn-ngĩnh, trái ngược luân-lý thì bắt dung với công-chúng sẽ bị đập đổ mà tiêu-diệt nần đi. Nên chỉ những nhân-vật sinh vào thời-kỳ ấy, danh-tiếng thường dễ cao lắm.

Thế nào là thời-kỳ toàn-thịnh? Do thời-kỳ kiến-lập đến thời-kỳ thành-lập, do thời-kỳ thành-lập đến thời-kỳ toàn-thịnh, vạn-sự đều đã trải qua, nhân-tài đều đã thừa-thối, văn-minh đều đã rõ-rệt, tha-hồ mà chàm-chước tồn-ích, phát-dạt tuyên-dương, đều thuộc về lẽ tiến-hóa tự-nhiên. Thời-kỳ kiến-lập còn thuộc về tạo-nhân, thời-kỳ thành-lập đã thuộc về có-kết-quả, thời-kỳ toàn-thịnh thì thuộc về kết-quả mỹ-mãn; nên chỉ những nhân-vật hiện về thời-kỳ ấy thường chói-dọi như vầng mặt trời trong sử-xanh, người học sử ai ai cũng phải kể đến tên trước.

Cho nên người học sử Nam nên biết rằng tự Kinh-dương-vương Hùng-vương thập-bát-thế cho đến An-dương-vương, trong thời-kỳ ngoại hai nghìn năm ấy chỉ là thời-kỳ nhân-loại phân-bại mà thôi. Tự Triệu Vũ-đế cho đến thuộc Hán thuộc Đường, trong thời-kỳ nội-ngoại một nghìn năm ấy, chỉ là thời-kỳ văn-minh tiêu-lức mà thôi, đến thời-kỳ hai cha con họ Khúc và

ông Dương Diên-Nghệ mới là thời-kỳ kiến-lập. Kịp thời-kỳ vua Ngô Quyền, vua Đinh Tiên-hoàng sẽ là thời-kỳ thành-lập. Kịp thời-kỳ nhà Lý, nhà Trần nhà Lê sẽ là thời-kỳ toàn-thịnh.

Ôi! Những hạng nhân-vật kiến-lập trong lịch-sử, danh-hiệu thực là bình-thường, sự-nghiệp thực là phiến-phức, tinh-thế thực là khó-khăn, công-lao thực là khó-nhọc, mà hạnh-phúc đã ít được hưởng, danh-tiếng lại dễ bị chìm. Nào thử xem người đọc sử Nam xưa nay, ai là chẳng bắt đầu nói đến tên hai vua Đinh Tiên-hoàng, Lý Thái-tổ, mà ít ai đã nói đến tên hai cha con họ Khúc và ông Dương Diên-Nghệ. Nhưng có biết đâu ba nhân-vật ấy chính là ba nhân-vật bắt đầu sản-xuất ra một cuốn lịch-sử tự Ngô, Đinh, Lý cho đến Trần, Lê, khoảng hơn nghìn năm về-vang tốt-đẹp. Muốn xét về lẽ ấy, trước nên biết qua lịch-sử ba nhân-vật ấy thế nào.

1) Khúc Thừa-Dụ 曲承裕

Hồi đó thuộc về niên-hiệu Thiên-hựu vua Chiêu-tuyên nhà Đường và Gia-lô-kỷ-nguyên thế-kỷ thứ 10. Nhà Đường lúc ấy đã suy, tuy có danh-hiệu là thiên-tử, nhưng kỳ-thực thì các quan phiến-trấn cát-cử mỗi phương xưng để xưng vương, biệt-lập quốc-hiệu, như Chu-Ôn thì giữ Đại-lương (1), sau lại diệt nhà Đường lập quốc-hiệu là Hậu-Lương, Lưu Chi-Viễn thì giữ Hà-dông (2), quốc-hiệu là Bắc-Hán. Lưu Chành thì giữ Ba-thục (3), quốc-hiệu là Hậu-Thục, Lý Dục thì giữ Kim-lăng (4), quốc-hiệu là Nam-Đường, Lưu Cung

(1) Tỉnh Hà-nam nước Tàu. (2) Tỉnh Sơn-tây nước Tàu.

(3) Tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu. (4) Nam-kinh nước Tàu.

thì giữ Lương-Quảng (1) quốc-hiệu là Nam-Hán, ngoài ra lại còn nước Liêu giữ Yên-kế (2), nước Hạ giữ Lương-châu (3), nội-bộ Trung-hoa khi ấy đã chia năm cắt bảy, ngô-hầu như đời Xuân-thu Chiến-quốc, mà tình-thế Nam-phương thì lại càng rối beng.

Trước kia nhà Đường còn thịnh thì chức Nam-phương-đô-hộ-phủ Tiết-dộ-sứ đều là quan nhà Đường phái sang. Hồi ấy thì thời-cục Trung-hoa đã kể như trên, nên chỉ một cõi đất nước Việt-Nam thành ra một cõi đất tro-vơ, trật-tự ngô-hầu đã thành rối loạn. Hồi ấy người Nam với người Bắc đã thuộc về lệ đồng-hóa, người nào lấy tịch ở nội-địa thì gọi là người Bắc, người nào lấy tịch ở Nam-phương thì gọi là người Nam, từ học-vấn cho đến tính-cách giống nói cũng không phân-biệt nhau gì mấy; lạ gì địa-phương đã không có thống-thuộc thì trật-tự còn gì mà chẳng rối beng, người Bắc người Nam đều khốn-khò. Đất Hồng-châu (4) khi đó có một người hiền-khiết là ông Khúc Thừa-Dụ. Ông vốn là người hào-trưởng ở địa-phương, binh-sinh cũng không có tài-cán gì sỗ-tràng, chỉ nhất là có đức khoan-hòa, có tính yêu người. Nên chỉ người Bắc người Nam đều bằng lòng cử ông lên làm lĩnh-tụ, nhận lấy chức Tiết-dộ-sứ, để giữ-gìn trật-tự trong địa-phương. Ông cũng hết lòng nhân-ái, hết sức bảo-toàn cho người Nam người Bắc, mà người Nam người Bắc cũng đều một lòng giúp ông; nên chỉ nội-bộ Trung-hoa chiến-tranh loạn-lạc thế nào mặc dầu, một cõi Nam-phương vẫn giữ được yên-đn. Ông cũng không quên nghĩa cũ nhà Đường, và cũng không

chịu hành-vi một cách ám-muội; nên chỉ khi ông nhận chức Tiết-dộ, ông cũng sai sứ sang thỉnh-mệnh với nhà Đường, nhà Đường cũng trọng ông, gia-lặng cho ông chức Bình-chương là chức ngang hàng với Tể-tướng. Chỉ tiếc thay khi đó ông đã già, ông nhận chức được một năm thì ông mất. Người Nam người Bắc đều thương-tiếc, lại cử con ông là Khúc Hiệu đề lên thừa-tập chức ông. Đời sau mới gọi ông là Khúc Tiên-chủ.

2) Khúc Hiệu 曲顯

Lịch-sử ông Khúc-Hiệu cốt nhất là ở việc nội-trị và việc ngoại-giao. Trước nói về việc nội-trị; nguyên ông lấy tư-cách người con cả một vị châu-trưởng, tuổi đã lớn, lịch-duyet đã thâm, gia-đi thông-minh hiền-đạt có đức độ hơn người, được người Nam người Bắc đều yêu mến, nên chỉ ông được nối nghiệp cha làm chức Nam-phương Tiết-dộ-sứ. Ông biết rằng muốn cho cuộc tự-trị của địa-phương được yên-đn lâu dài thì cốt nhất phải cần việc nội-trị; mà chính-sách ông cũng noi theo cái khuôn mẫu người Nam với người Bắc hợp-tác của Khúc Tiên-chủ ngay trước, không thay đổi gì cả. Nên chỉ, bắt đầu sửa-sang thành Đại-la (5) để làm nơi chính-trị trung-tâm, người Nam người Bắc đều được hưởng quyền-lợi như nhau, không sinh ra sự rắc-rối gì cả. Nối đó lại chia định cõi Nam ra làm các lộ, trong lộ lại chia định ra làm các phủ, trong phủ lại chia định ra làm các châu, trong châu lại chia định ra làm các xã, đặt ra có

(1) Quảng-đông, Quảng-tây. (2) Bắc-kinh nước Tàu. (3) Tỉnh Cam-lúc nước Tàu.
 (4) Nay phủ Bình-giang và Ninh-giang tỉnh Hải-dương.
 (5) Nay thành Hà-nội.

viên lệnh viên trưởng, chức chánh chức tá đề thống-suất, trật-tự trong cõi mới thật là yên-tĩnh có thống-hệ. Ông biết rằng việc điền-thổ chốn dân-gian thường hay có thói chiếm-doạt hay là ăn-lậu sự nộp thuế không được công-bằng, phải thế-lực với phải binh-dân thường khó ăn ở với nhau, dễ sinh ra mối loạn, nên chỉ ông quan-san thuế ruộng kỹ lấy cho được công-bằng, đề tiết mối tranh loạn. Lại trước kia, thường bắt dân đi làm việc công có phương-hại lắm cho nhà sĩ nhà nông, nhà công nhà thương, nghề nghiệp tứ dân, nên chỉ lệ ấy ông cũng nhất-thiết cấm trừ. Lại trước kia dân-gian chưa có sổ hộ-tịch, dân-số thường mập-mờ, ông mới bắt đầu điều-tra dân-số làm sổ hộ-tịch, tự kê chợ cho đến nhà quê, đều lập ra từng giáp. Giáp nào giáp ấy đều có người giáp-trưởng coi xét về việc hộ-tịch, khiến cho dân số được tường.

Những việc ấy đều là những việc to lớn nặng-nề và khó-khẩn phải tốn-phí mất bao nhiêu thì giờ trong chính-trị-giới ; ông tại chức thủy-chung được mười năm, ông đã làm được bao nhiêu công-việc có ích cho dân như vậy, phi là người có nghị-lực không làm nổi. Nhưng chính-trị ông lại không ở về đường nghiêm-khắc mà ở về đường khoan-hòa, thế mới lạ chứ ! Sự giặc-giã yên, sự hình-phạt ít, dân đều được vui sống mà nghỉ-ngoi !

Thứ hai nói về việc ngoại-giao. Nguyên cha con họ Khúc ở cõi Nam cùng với anh em họ Lưu là Lưu Ân Lưu Cung ở Lương-quảng, là gần-gụi trực-tiếp giao-thiệp nhất. Thuở nhà Đường còn, thì anh em họ Khúc vẫn giữ được nghĩa cũ tình xưa, thừa-nhận cái nghĩa vụ làm quan nhà Đường. Kíp Chu-Ôn dấy lên, Chu-Ôn vốn là một tên giặc ở Đường-son, hành-vi cử-

động rất là tàn-ác dã-mau, đem quân diệt nhà Đường lập quốc-hiệu là Hậu-Lương. Cái chính-sách của nhà Lương đối với cõi Nam lại khác hẳn nhà Đường, không còn tình nghĩa như xưa nữa. Nhà Lương trao cho anh em Lưu Ân làm chức Tiết-độ ở Lương-quảng lại kiêm cả chức Tiết-độ ở Nam-phương nữa. Lưu Ân thì cậy có tàn-mệnh của nhà Lương mà nhận cõi Nam là đất của mình ; ông thì giữ nghĩa cũ với nhà Đường mà nhận cõi Nam là đất của ông, từ đấy việc ngoại-giao mới sinh ra hiềm-khích có chí khuy-nh-đảo nhau. Chẳng bao lâu Lưu Ân chết, em là Lưu Cung lại phản nhà Lương xưng là Hoàng-đế, kiến quốc-hiệu là Nam-Hán. Ông nhân dịp ấy đề giảng-hòa, liền thừa-nhận ngay nước Nam-Hán, sai con là Thừa-Mĩ sang thông-hiểu, họ Lưu cũng thừa-nhận cõi Nam là đất của ông, việc bang-giao lại được hòa-hoãn vô-sự. Nhưng khi đó ông cũng chỉ xưng là Tiết-độ-sứ mà thôi, vì ông không nỡ dầm-thấm duyên mới với Nam-Hán mà vội quên chút nghĩa cũ-càng với nhà Đường, đó là cái lòng người quân-tử vậy.

Khi ấy còn thuộc về thời-kỳ quá-độ, vì như chiếc bích giữa dòng, tránh sao khỏi được những cơn phong-ba nguy-hiểm ; mà gây nên cơn phong-ba ấy lại chính con ông là Thừa-Mĩ vậy. Khi ông còn thì việc bang-giao cần-thận khôn-khéo biết đường nào. Khi ông mất con là Thừa-Mĩ nối ngôi. Lại gì Thừa-Mĩ là một tư-cách người công-tử nhà qui-tộc, quen lối cao-lương chưa trải cuộc đời.

Khi đó chẳng biết rằng nghe ai, thấy thế-lực nước Lương đương mạnh, muốn nhờ cậy thế-lực nước Lương đề giảm bớt thế-lực nước Nam-Hán mà tăng thêm thế-lực cho mình, liền sai

sứ sang kết-thân với nước Lương. Nhưng có biết đâu nước Lương với nước Hán vốn là cừu-thù, vua Nam-Hán cả tức-giận, liền sai tướng là Lý Khắc-Chính đem quân ăm-ăm như mưa gió tiến vào cõi Nam. Thừa-Mĩ thì bị quân Nam-Hán bắt mất. Nam-Hán lại sai Lý-Tiến làm chức Thứ-sử ở Giao-châu. Khi đó nước Lương thì chỉ thu tay đứng về vị hàng-quan, không nhờ được chút thế-lực gì cả; mà cơ-dò của họ Khúc gây dựng bấy lâu chỉ trong chớp mắt, ngô-hầu đã đổ lật như chơi. Ngạn có câu rằng: « Con có cha như nhà có nóc », nếu Thừa-Mĩ biết theo cái chính-sách ôn-hòa của cha, mà dùng nhiệt-tâm tiến-bộ quá, thì đâu đến nỗi thế.

3) Dương Diên-Nghệ 楊延藝

Lịch-sử ông Dương Diên-Nghệ là cái lịch-sử bất-đắc dĩ mà phải sinh ra sự chiến-tranh. Vì nhà Đường khi ấy đã mất rồi, nội-bộ Trung-hoa đã xoay ra cuộc Ngũ-dại; Chu-Ôn nhà Hậu-Lương là giặc nhà Đường, mà anh em Lưu-Ấn nước Nam-Hán cũng là giặc nhà Đường, nên chi ông không thừa-nhận những vai tướng giặc nhà Đường ấy đến xâm-nhiều địa-phương mình... Gia-dĩ ông vốn người Ái-châu (1) là một người tướng rất thân cũ của ông Khúc Hiệu, không ngờ trông thấy cơ-dò của họ Khúc phá-hoại, mới ra tay thu-thập đồng tro tàn, giải-quyết việc thời-cục. Lý Khắc-Chính, Lý Tiến thất-bại lui về, ông mới chấn-chỉnh lại cõi Nam.

Người ta chỉ biết ông có công to, mà ít biết ông có đức khiêm-nhượng.

Vì khi ấy ông đã có thanh-danh, nếu ông bắt-chước như bọn tướng giặc nhà Đường xưng đế xưng vương, lại há chẳng được?

Nhưng ông thì không thế, chỉ lại xưng là Nam-phương Tiết-độ-sứ mà thôi; là vì ông còn để ý sâu-xa, chăm-chước thời-thế, còn muốn theo khuôn-mẫu hai họ Khúc, chuộng thói khiêm-nhượng, mà ghét thói hư-danh, chẳng xem như bọn tướng giặc nhà Đường nào là Hậu Lương, Hậu-Đường, nào là Nam-Hán Bắc-Hán, thiếu gì có quả thiếu gì bá-vương, chẳng được bao lâu, kịp nhà Triệu Tống dấy lên, thì bọn bá-vương ấy đều tiêu-diệt cả. Sẽ hay ông hà những là có khiêm-đức mà thôi, lại có trác-kiến nữa.

Phẩm cuộc kiến-lập hầu thành mà chữa thành, cũng vì như lúc mờ sáng, khi âm khí dương còn tranh tối tranh sáng, cảnh-tượng còn mập-mờ, tránh sao cho khỏi được những sự điên-cuồng thảm-khốc. Nên chi hồi ấy lại xảy ra một sự nội-biến chẳng ai ngờ, là sự người Kiều Công-Tiện thỉnh-linh giết chết ông đi, khiến cho một người có công lớn như ông, sáu năm phong-trần vất-vả, một chút quả-phúc gì chưa được hưởng, đã vội từ-giã non xanh nước biếc theo hai họ Khúc xuống dưới cừu-tuyền. Than ôi! thảm thay!!! Xét ra Kiều Công-Tiện giết ông cũng không phải là vì có chủ-nghĩa gì, chẳng qua là muốn tranh cướp quyền-vị phú-quí ông mà giết người một cách dồ-dại dề-hèn dấy mà thôi. May sao lại có người hiền-kiệt sinh ra là ông Ngô-Quyền, tự Ái-châu đem quân ra giết kẻ loạn-tặc là Kiều Công-Tiện. Ngô-Quyền dẹp xong sự nội-biến, mới chỉ-

(1) Nay là tỉnh Thanh-hóa (Trung-kỳ).

định lấy Cồ-loa-thành (1) là thành cũ của An-dương-vương ngày xưa làm quốc-đô, tiến xưng vương-hiệu, chế-định ra văn-vũ triều-quan triều-nghi, cái hình-ảnh quốc-gia trong lịch-sử mới chuyển vào thời-kỳ thành-lập.

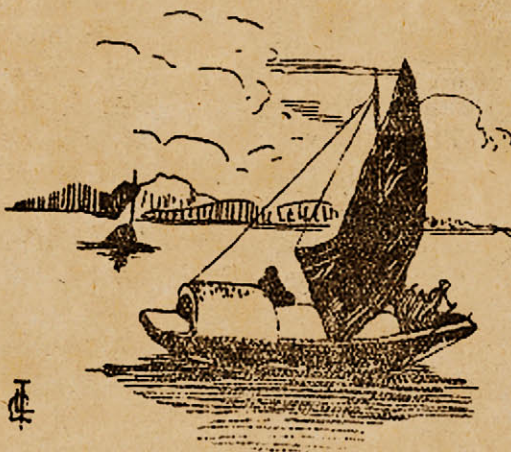
Ồi ! Kiều Công-Tiện là ai, chính là người tướng nanh-vuốt của ông, người xem lịch-sử, ai là chẳng thóa-mạ Kiều Công-Tiện. Ngô-vương Quyền là ai, lại chính là chàng rể hiền-khiết của ông, người xem lịch-sử ai là chẳng ngợi-khen Ngô-vương Quyền. Ông tuy làm về người tướng bất-nghĩa, nhưng ông lại khéo kén được rể hiền, ông tuy chết cũng không hám-hận gì.

Ấy ba nhân-vật thuộc về thời-kỳ kiến lập trong lịch-sử nước ta, đã kể như trên, kể về đức-độ thì thật là thuần-túy, kể về tri-thức thì thật là sáng-suốt, kể về công-lao thì thật là khó-nhọc, mà kể về danh-hiệu và hạnh-phúc thì ba nhân-vật ấy thật là chưa được hưởng chút nào. Ấy nhân-vật

kiến-lập trong lịch-sử vẫn thường như thế, mà nghìn năm về sau, lại thường bị cái thanh-danh chói-dọi của các vị đế-vương trong lịch-sử che lấp đi. Cho nên người đọc sử ít ai nhớ đến, dù có nhớ đến chẳng nữa, thì cũng chỉ kể qua nói qua mà thôi, ít người đã xét đến sự thực. Nay muốn xét về sự thực, thì tướng địa-vị vua Đinh Tiên-Hoàng, vua Lý Thái-tổ còn dễ, chứ địa-vị ông Khúc Thừa-Dụ thì khó thay ! Địa-vị vua Lý Thái-tôn, vua Lê Thánh-tôn còn dễ, chứ địa-vị ông Khúc Hiệu thì khó thay ! Địa-vị ông Lý Thường-Kiệt, ông Trần Hưng-Đạo còn dễ, chứ địa-vị ông Dương Diên-Nghệ thì khó thay ! Vì Thời-kỳ kiến-lập khác với thời-kỳ toàn-thịnh vậy. Phàm người học sử nên chia ra thời-kỳ mà bàn nhân-vật, ngõ-hầu phê-phán được cách chính-đáng mà khỏi sự sai lầm, đó cũng là một sự tiến-hóa trong đường sử-học, người học sử há chẳng nên xét.

TÙNG-VÂN

(1) Nay thuộc tỉnh Phúc-an.



NGHĨA-VỤ CỦA THANH-NIÊN



Anh phải cẩn-thận đấy. Anh dương qua một thời-buổi khó-khăn. Anh mới phải ăn-năn vì những điều làm-lỗi khi xưa, mà nào đã thoát đâu. Bây giờ không phải là lúc ra điệu ngông-ngáo vô-làm, ra tay ăn chơi phóng-dãng, ra giọng ngạo-mạn khinh-dời ra dáng hoài-nghi bất-dịnh, ra bộ đùa bỡn cỡ nhỏ được nữa. Hăng bỏ những cái ấy đi một độ mới được. Thờ trời đất, ham công việc, biết thương-giận, những cái ấy mới đáng trọng anh ạ, vì nó bày ra sừng-sừng trước mắt anh. Nếu không có những cái đó thì anh đến cơ tiêu-diệt mất.

(Lời một nhà văn-hào Pháp)

Prends garde ; tu traverses des temps difficiles. Tu viens de payer cher — elles ne sont pas encore toutes payées — tes fautes d'autrefois. Il ne s'agit plus d'être spirituel, léger, libertin, railleur, sceptique, folâtre : en voilà assez pour quelque temps. Dieu, la nature, le travail, l'amour, tout cela est sérieux et se dresse devant toi. Il faut que tout cela vive ou que tu meures

ALEXANDRE DUMAS

Đời người ta quý nhất là tuổi thanh-niên. Đối với bản-thân, đối với gia-đình hay đối với quốc-gia xã-hội, cái tương-lai rục-rỡ hay điều-tiền hầu hết là ở như đó cả. Thanh-niên là hoa xuân mới nở, là vàng đồng mới mọc, là ngọn suối mới sa, êm-ái biết chừng nào ! Lộng-lẫy biết chừng nào ! Mạnh mẽ biết chừng nào ! Hoa mới nở có tươi thắm thì sau này mới kết thành quả to đẹp, vàng đồng mới mọc có rục-rỡ thì suốt ngày mới chói-lọi quang minh, ngọn suối mới sa có mạnh mẽ thì mới chảy thành dòng sông dài dằng-dặc rộng bao-la. Tuổi thanh-niên của người ta cũng vậy, phải tươi-tốt, phải rục-rỡ, phải khỏe mạnh thì mới có kết-quả tốt đẹp, có sự-nghiệp vẻ-vang, có hi-vọng to-tát. Trái lại nếu tuổi thanh-niên mà ủ-rũ như cánh hoa đã tàn, ảm-đạm như mặt trời gần lặn, lờ-dờ như ngọn suối sắp khô, thì chỉ còn một việc

là chờ thằn chết mà thôi, chứ mong chi đem thân mà ứng-dụng với đời.

Hỡ bạn thanh-niên, chúng ta đã biết tuổi thanh-niên là quý, là hòn ngọc đáng giá nhất của đời ta, thì ta phải làm cho tuổi thanh-niên ta tươi-linh như hoa xuân phơi-phới, rục-rỡ như mặt trời rạng đông, hăng hái như dòng suối cuộn-cuộn, thì đời ta mới có lạc-thú mà ta mới đáng sống ở đời.

Ta đã biết tuổi thanh niên là thế, còn tính-cách của thanh-niên là thế nào ? — Tính-cách của thanh-niên là phải biết kiến-thiết lên, cải-tạo lại, bảo-tồn lấy và phá-hoại đi. Nghĩa là, nói về cả phương-diện hình thức và tinh-thần, cái gì còn thiếu cho ta thì ta phải cố gây dựng lên cho được ; cái gì của ta không bằng người, ta phải thay đổi đi, phải làm cho mỗi ngày một mới hơn lên ; cái gì là cố-hữu của ta mà còn hay còn đẹp, còn hợp-thời, còn bổ-

ích cho ta thì ta nên trân-trọng gìn-giữ lấy. Sau là cái gì không hợp cho ta nữa, cái gì có hại cho ta, ta phải nhất-định quả-quyết phá bỏ đi, chớ nên do-dự trù-trừ, đợi thời đợi lúc, ta chớ nên bắt chước anh chàng ngốc nọ đi đường phải qua cái suối con, anh ta cứ đứng lì trên bờ, vắn-vơ nghĩ-ngợi, có người hỏi sao không lội mà sang đi, thì anh ta trả lời rằng còn chờ cho nước suối chảy hết đi đã. Ôi ! Biết bao giờ cho nước chảy hết để anh ta sang ! Nếu vậy thì anh ta cứ đánh ngồi trên bờ suối cho đến hết đời mà chết già thôi. Cái thái-độ không cả-quyết ấy, cái thái-độ chờ đợi ấy, thanh-niên ta rất nên kiêng-kị. Bông hoa kia có rời bỏ mấy cái cánh khô héo thì mới kết nên thành quả, mặt trời nọ có phá tan đám sương mù thì mới lộ được ánh sáng, ngọn suối kia có đào phá núi khe thì mới chảy ra được đến tràng-giang đại-hải mà thành nên dòng nước trong veo...



Nay xét bọn thanh-niên ta chẳng gì cũng gọi là được hấp-thụ văn-nóa Tây-phương, nhất là được nước Pháp là nước có văn-minh nhân-đạo truyền-bá cho ta văn-hóa ấy, mà thanh-niên chúng ta chưa thực-hành được những cái tính cách của thanh-niên nói trên kia, từ phương diện vật-chất, đến phương diện tinh-thần, từ bản-thân đến gia đình xã-hội. Nói về kiến-thiết ư ? — Ta chưa gây dựng được cái gì hay-ho tốt đẹp, hoặc cũng có nhưng là số rất ít. Nói về cải-tạo ư ? — Ta chưa thay đổi được cái gì, hay cũng

có nhưng chỉ là bề ngoài mà thôi. Nói về bảo-tồn ư ? — Có lẽ ta chỉ gìn-giữ cái dờ. Nói về phá-hoại ư ? — Có lẽ ta chỉ làm cho tiêu mòn những cái hay. Ôi ! Thanh-niên là hi-vọng của nước, như vậy ta còn để cho nước hi-vọng vào đâu ?

Nhiệm-vụ của thanh-niên là trọng, bổn-phận của thanh-niên là to. Trong bài : « Một cuộc đời mới » ông Nguyễn Tiến-Lãng có nói : « Làm thân-phận một người An-Nam ở đời bây giờ thật là khó. Làm thân một người thanh-niên An-Nam ở đời bây giờ càng khó hơn. » Câu ấy thật là xác-đáng. Chắc nhiều người cũng nghĩ như ông, vì bọn thanh-niên ta bây giờ ở vào cái cảnh hai dòng nước đổ xô, phải vững tay chèo lái lăm mới khỏi dắm vào ghềnh đá mà ra được biển khơi ; không thì chẳng bị dòng nọ tất bị dòng kia lôi cuốn đi mà để cho lênh-dềnh chìm nổi...

Hỡi bạn thanh-niên, nếu chúng ta muốn được ngắm cảnh biển rộng trời cao, tất chúng ta phải đặt mình vào trong vòng nghĩa-vụ mà thực-hành những cái tính cách của thanh-niên cho phải đường. Đối với bản-thân, ta phải kiến-thiết lấy nhân-cách làm đầu, vì người có nhân-cách thì mới trông được rộng, nhìn được xa, mới làm được những điều mà người khác không làm được, mới chịu được những sự mà người khác không chịu được. Nhà triết-học Pháp nói : « Cái đặc-sắc của người ta là cái nhân-cách, nghĩa là phải gắng sức cho ra tư-cách một con người. » (1) Vậy làm người có nhân-cách có phải là dễ đâu !

Mỗi chúng ta lại nên gây lấy một cái lý-tưởng để mà thờ, hoặc thờ mình,

(1) Le propre de l'homme, c'est ce qu'on appelle la personnalité, cet effort pour être quel-qu'un : E. BOUTRAUX.

thờ nhà, thờ nước, hoặc thờ văn-chương
mĩ-thuật hay thờ sự phú-cường tiến-
hóa, để làm cái đích mà noi theo trong
một đời. Chúng ta phần nhiều sống
không lý-tưởng, lênh-bệnh như cánh
bèo mặt nước, thành ra không biết bám-
biu vào đâu mà theo con đường đời
cho có ý-nghĩa. Đời đã không có ý-
nghĩa là đời bỏ đi, có cũng như không
vậy. Nên chỉ có lý-tưởng là làm cho
đời ta sâu-sắc và có giá-trị mà thôi.

Cải-tạo cho thân thì về phần hình-
thể cũng như về phần tinh-thần, ta
phải cố làm cho cái thân-thể yếu-duối
của ta cho ra mạnh-mẽ, cái tinh-thần
ủy-mị của ta cho ra hoạt-bát. Cái thói
khinh-bạc kiêu-căng, tự-mãn tự-túc
cũng là cái bệnh thông-thường của
thiếu-niên ta, ta nên lấy sự khiêm-tốn
nhún-nhường mà thay vào, vì rằng tự
xét kỹ mình ta, ta còn có thể khinh được
ai, kiêu được với ai nữa; vả cái kiêu
thuộc về cá-nhân rất là hèn, cái kiêu
thuộc về quốc-gia mới là trọng.

Nói về bảo-tồn thì nếu ta muốn
khỏi xa-cách hẳn với tổ-tiên, thân ta
còn có liên-lạc với đời trước, đời ta
còn có gốc rễ ở đất nước thì ta phải
gin-giữ trau-giồi lấy những tinh-tinh
hay của ông cha ta để lại. Lễ, nghĩa,
liêm, sỉ là bốn cái đức rất hay, ta cứ
thấy ngày một tiêu mòn đi mà đem
những thói tham-dâm đê-tiện thay vào.
Người xưa có nói: « Lễ, nghĩa, liêm,
sỉ, thị vị tứ duy. Tứ duy bất trượng,
quốc nãi diệt vương ». Câu đó chẳng
dùng làm hay sao?

Còn công việc phá-hủy thì trước hết
ta nên bỏ cái tinh hiếu hư-danh mà
trọng thực-sự, cái lòng đố-kị lẫn nhau,
cái thói tàn-hại lẫn nhau, mà cùng nhau
theo đuổi một mục-đích chân-chính.
Cái hư-danh ở thời buổi này không có
ý-nghĩa gì, nó chỉ làm cho ta mê-muội

đi mà thôi. Nó đối với thực-sự không
khác nào con voi giẫy lóc-loẹt sừng-
sừng trước đàn-tràng ở cạnh một con
lắm đương yên-lặng nhả tơ làm tổ.
Cái lòng đố-kị, cái thói tương-hại tương-
tàn nó chỉ làm cho ta xa cách nhau mà
thôi. Đã xa cách nhau thì ai cũng chỉ
nghĩ đến tư-lợi, còn bảo nhau làm
được điều gì hay cho xã-hội nữa.



Nói đến gia-đình, chúng ta cũng phải
thực-hành bốn cái tinh-cách của thanh-
niên nói trên kia. Gia-đình là gốc của
xã-hội, thanh-niên há chẳng nên gây
lấy một gia-đình tốt đẹp hay sao?
Dạy cho trong gia-đình có học-thức,
có giáo-dục, có trật-tự không phải là
việc dễ. Ta chẳng thấy nhiều gia-đình
tan-nát hư-hỏng vì không có người
xứng-đáng đứng đầu dắt ư? Chồng đánh
bạc, vợ đánh bài, chồng hai ba vợ, vợ
hai ba chồng. Những gia-đình ấy liệu
có giúp ích gì cho xã-hội được không?

Cải-tạo cho gia-đình thì trước hết
ta nên thay đổi sự dạy dỗ con cái. Gia-
đình giáo-dục của ta trước không phải
rằng không hay, nhưng bây giờ có nhiều
chỗ không hợp-thời nữa. Như cách
dùng roi vọt để đánh **đập** đứa trẻ, cách
đọa nạt cho nó sợ-hãi và cái lễ-phép
nghiêm-ngặt quá chỉ làm cho đứa trẻ
mất tinh thiên-nhiên đi, mất những
năng-lực hay đi mà thôi. Ta nên chú-
chức cách giáo-dục của Thái-tây, là
để cho đứa trẻ được sinh-hoạt trong
vòng tình-cảm, được hoàn-toàn phát-
siển những nét tốt tinh hay, thì sau
này lớn lên mới đủ tư-cách làm kẻ
quốc-dân xứng-đáng. Điều thứ hai nên
cải-tạo cho gia-đình là sự thờ phụng
tổ-tiên. Uống nước sông nhớ đến nguồn
là một lễ rất chính-đáng, vì nhờ có tổ-
tiên mà ta mới được có ngày nay. Muốn

báo-đáp công-dức ấy tưởng không gì bằng tu lấy thân mà làm cho công-nghiệp ông cha ngày càng thịnh-vượng, sự-nghiệp ông cha ngày một vẻ-vang, như thế mới mong hồn ông cha được ngậm cười nơi chín suối. Thanh-niên ta chẳng nên đời cái ngày giỗ mà rượu trè ăn uống làm một ngày hương-hoa thanh-khiết hay sao ?

Bảo-tồn cho gia-đình là ta nên chất-chiu mà gìn-giữ lấy cái đạo cha con, anh em, vợ chồng. Ba đạo ấy là nền tảng của gia-đình ta, không có nó chắc gia-đình sẽ đổ nát như chơi. Xét ra trong nhiều gia-đình mà ta gọi là mới ngày nay đã hầu như những bỏ những đạo ấy. Con mắng cha, em đánh anh, vợ chửi chồng, kết-quả thế nào, ta đã từng rõ. Nếu trăm nghìn gia-đình cũng như thế cả, thì xã-hội đến ra sao ?

Phá-hoại cho gia-đình thì thứ nhất là những sự mê-tin. Mê-tin nó làm bại ta không biết bao nhiêu mà kể. Ta biết thế, mà vẫn để nó lẫn-khuất bên ta thì lạ thật. Nào nhà thì vợ con thích đồng bóng, nay cúng mai vái. Nào nhà thì vợ con ưa bói toán, nay cắt mỡ mai tạ mã. Trong biết bao nhiêu gia-đình thật là mới, mới từ cách ăn-mặc trang-hoàng, cái gót giầy thật cao, bộ sa-lông thật thấp ; mới từ tiếng gọi tiếng thưa, ba ba me me riu-rit ; vào trong nhà tưởng không còn gì là hủ nữa, thế mà vẫn không qua được con ngựa giầy thẳng hình-nhân. Thanh-niên ta để yên như thế được ư ? Phải nên phá tan đi chứ. Phá-hoại đây không có gì là trái với nhân-đạo cả, mà còn trừ-trừ ngàn-ngại.



Sau cùng là đối với xã-hội thì cái nghĩa-vụ của thanh-niên lại càng nặng

lắm. Cái công-phu kiến-thiết thứ nhất là phải gây lấy một nền học-phong cho xứng-dáng, vì bấy lâu nay cái học-phong cũ của ta đã suy kém lắm rồi, cái sĩ-khí của ta đã trụ-lạc lắm rồi. Xưa các cụ học là học đạo làm người, học để đạt được cái lý-tưởng tu-thân tề-gia trị-quốc, mà nay ta học chỉ cốt để vinh-thân phi-gia mà thôi. Vẫn biết ngậm hơi không bản được triết-ly, cũng cần phải no cơm ấm áo trước đã. Nhưng quá ư tha-thiết vào đó mà bỏ cả nghĩa lớn của sự học nó có thể đưa ta vào những đường rộng thênh-thang, vào những nơi cao sâu siêu-việt thì thật là một sự lầm to vậy. Cái học thuần cơm gạo nuôi sống thân-thể ta, nhưng giết hẳn mất linh-hồn ta, nên ta phải đặt mục-dịch sự học của ta cao xa thì tinh-thần ta mới khỏi bị chìm đắm. Nhà bác-học Pháp nói : « Ngày nay ai cũng biết cái hại về vật-chất ở chung quanh ta. Nhưng còn lắm cái hại ghê-gớm hơn mà ta phải để mắt đến hơn, vì nó không làm xảy ra sự gì to-tát, không thay đổi cuộc đời thường. Đó là những cái tai-hại ngấm ngấm nó làm cho mục-dịch đời người sút kém, nó làm cho tất hết những sự hành-dộng cao-siêu và làm cho con người kém giá-trị đi ». (*Tout le monde aujourd'hui voit plus ou moins clairement les dangers matériels dont nous sommes entourés. Mais il est des calamités plus redoutables encore sur lesquelles il faut d'autant plus rester en éveil, qu'elles ne sont pas d'évènement et ne changent pas le train ordinaire. Ce sont les grandes catastrophes silencieuses qui abâtissent le plan de la vie éteignent les activités supérieures et diminuent l'homme. A. BOSSARD*). Những cái tai hại ấy chẳng phải là cái học-phong thấp kém ư ? Bọn thanh-niên ta chẳng theo gương tiền-

nhân mà gây lấy một nền học-phong xứng-đáng cho xã-hội hay sao?

Về sự cải-tạo cho xã-hội, ta chỉ có thể lấy thân ta làm gương, lấy gia-đình ta làm mẫu. Nếu thân ta mà hay, gia-đình ta mà tốt, có ảnh-hưởng gì đến xã-hội, ấy là công-phu cải-tạo của ta đó. Cái công-phu gián-tiếp ấy tuy lâu mới thấy kết-quả, nhưng hiệu-nghiệm có lẽ lại còn sâu-xa hơn công-phu trực-tiếp nọ. Ta chỉ có thể góp công trực-tiếp cải-tạo cho xã-hội là lo cho con cái được mạnh-mẽ để sau này có cái nòi giống tốt, dạy cho con cái có giáo-dục để sau này làm kẻ quốc-dân hay; trăm nhà như thế, nghìn nhà như thế, thế là xã-hội cải-tạo được một đôi phần đó. Xem xã-hội nào cũng vậy, nước Pháp xưa kia cũng thế, cải-tạo cũng phải bước lần từng bước, theo lần từng thời-kỳ, bắt đầu số ít người làm, sau mỗi ngày một tăng, một lan rộng, sau mới thành sự cải-tạo hoàn-toàn trong cả quốc-dân. Ta há chẳng nên theo gương mà bắt chước hay sao?

Nói về công-phu bảo-tồn cho xã-hội thì giữa lúc hai cái văn-minh gặp-gỡ nhau này, phần hai bên xung-đột nhau cũng nhiều mà phần hai bên có thể điều-hòa được cũng lắm. Chúng ta chớ nên cho bên nào là phải hẳn, bên nào là trái hẳn. Văn-minh châu Âu trọng về vật-chất, về sự phú-cường; văn-minh châu Á trọng về tinh-thần, chuộng về đạo-đức, lẽ tất-nhiên là ta phải có cả hai. Thuật phú-cường, ta chưa có, ta phải ra công mà học. Nước Pháp ắt hẳn vui lòng mà truyền cho ta thuật ấy, vì chính nước Pháp đã từng khai-phóng cho nhiều dân-tộc rồi. Còn cái lâu-dài đạo-đức của ông cha để lại ngày nay càng ngày càng bị lay-chuyển thì ta phải nên

chống-chọi với gió mưa mà giữ-gìn lấy. Đạo-đức Á-châu có rất nhiều điều hay, ta chớ vội cho rằng không hợp-thời nữa mà chê là hủ, mà đem lòng ruồng-rẫy. Bấy lâu nay ta thấy nhiều cái đức-tính của ông cha ta truyền lại tiêu-mòn đi hết, như đức cần-kiệm thanh-liêm, lòng hiếu-dễ trung-tín, đạo vị-tha xả-kỷ, lòng tu-sĩ tu-ổ. Biết bao nhiêu cái hay của người chưa học được, chỉ thấy xô nhau bắt chước những cái dở mà thôi. Nên bọn thanh-niên ta phải giữ gìn lấy những đức-tính cố-hữu kia mà trau-giồi cho mỗi ngày một hay hơn lên, vì có giữ được căn-bản của mình rồi học người mới có kết-quả hay được. Nếu căn-bản đã mất hết, sau tất trở nên hạng người nửa mùa, Tây chẳng ra Tây, Nam chẳng ra Nam, xa-cách với nòi giống, rất có hại cho xã-hội vậy.



Sau hết là công-việc phá-hoại của thanh-niên trong xã-hội.

Như trên đã nói, ngọn suối kia có đào phá núi khe thì mới chảy ra được đến đại-hải, người ta cũng vậy, có phá bỏ cái dở thì mới trở nên người hay được. Trong xã-hội Việt-Nam ta có nhiều cái ách nó ngăn-trở làm cho không tiến-hóa lên được. Những cái ách đáng kể thứ nhất là một mở đổi-phong bại-tục, một mở hư-danh hư-hiệu, một mở mê-lin dị-doan. Những cái ấy có khác nào dây tam-cổ buộc căng ta không? Không những nó không cho ta bước lên, mà nó lại còn co ta trở lại nữa. Nếu ta cứ khư-khư giữ lấy mà nói rằng chớ bao giờ tìm được hoặc học được những cái hay để thay vào thì mới bỏ, câu đó liệu có nhẹ được không? Tưởng thật đáng buồn

cười quá, chẳng khác nào anh ăn-cấp gà của thầy Mạnh, đã biết ăn cấp là xấu, người ta bảo chừa đi thì anh ta trả lời rằng để anh ta chừa dần. Chừa dần thế còn là khá, chứ nếu bảo rằng để bao giờ nuôi lấy được gà ăn thì sẽ thôi mới càng tệ chứ ! Nếu đã biết phong-tục hại-hoại là xấu, hư-danh mê-tin là hại, mà lại bảo bao giờ học được cái hay mới bỏ, thì thật là anh ăn cấp gà bảo bao giờ nuôi được gà ăn mới thôi ăn cấp vậy.

Thanh-niên ta chớ nên bắt chước chàng ăn cấp gà nọ. Ta phải quả-quyết làm gương phá-hoại những cái tệ nói trên kia và khuyến-khích cho mọi người cùng làm như thế, ấy là ta có công to với xã-hội đó. Nước Pháp treo gương cho ta bao nhiêu thuận-phong mỹ-tục, trọng chân-lý, barm thực-sự, ta

còn phải tìm dân học đâu mà lần-lữa cho qua tháng ngày ?



Hỡi bạn thanh-niên ! Trước sau trong bài này chỉ là những ý-tưởng của một kẻ cũng còn thanh-niên như các bạn, hớn-hở như bông hoa mới nở, rực-rỡ như mặt trời mới mọc, hăng-hái như ngọn suối mới sa, trong lòng chứa-chan hi-vọng, chỉ mong rằng những ý-tưởng ấy sẽ thành ra thực-sự, bởi vì phần nhiều thực-sự là ý-tưởng kết-tinh lại đó mà thôi. Bao giờ mà những ý-tưởng trên kia kết-tinh lại là ngày ấy thanh-niên chúng ta đã làm trọn được đôi ba nghĩa-vụ đó !

NGUYỄN KHẮC-CÁN



LẠI TÔI THÂN-KINH

II

Du - ký

của NGUYỄN TIẾN-LÃNG

II

Tiếp chuyện quan Thượng Phạm (Nói kỷ trước)

Bây giờ tôi hãy còn nhớ cái văn-phòng ở nhà phố hàng Gia ấy. Bốn mặt tường tủ sách che kín, trên bàn giấy ngòn-ngang giấy má sách vở ; sau bàn, ông Phạm-Quỳnh ngồi, cái màu da trắng-trẻo in trên mũi thâm của bìa sách trong tủ, và tương-phản với áo thâm khăn lượt ; đôi mắt lóng-lánh dưới cặp kính trắng đã nổi tiếng, cái cặp kính gọng đồi-mồi. Miệng mỉm cười tươi-tĩnh. Khắp dáng-diệu có một vẻ thanh-niên khiến cho tôi lấy làm ngạc-nhiên.

Ông Phạm-Quỳnh đứng dậy bắt tay tôi, rồi mời tôi ngồi ở ghế trước mặt ông. Trong lòng tôi lúc bấy giờ, nhiều cảm-tưởng lộn-xộn. Ông Phạm-Quỳnh ! cái tên đó ngay từ thuở ấy đã vẻ-vang thay ! Trái lại, nhiều lời bình-phẩm phản-đối lẫn nhau cũng cứ xôn-xao chung quanh cái tên ấy. Xét ra có lẽ người ta không ưng ông Phạm vì ông đã tới được địa-vị một người có tư-bản, hoặc chẳng có tư-bản thì cũng kê vào bậc phong-lưu. Nhưng trách ông như vậy có lẽ không chính-đáng. Ở thế-kỷ này có tư-bản mới có chút tự-do mà hành-động công kia việc nọ. Chỉ có xưa kia, dơi cồ, thì nhà văn, nhà hiền-triết mới có thể bằng lòng « ăn cơm hằm, uống nước lã, cong cánh tay mà gối đầu » cũng cho là đủ. Bây giờ cầm bút làm văn, bước chân

vào báo-giới, mà không nghĩ đến đời vật-chất một chút đã, thì cũng không sao theo đuổi được nghệ-thuật hay chí-khí của mình về công việc xã-hội hay chính-trị.

Buổi đầu, tôi được tiếp ông Phạm-Quỳnh hôm ấy, chưa đạt được cái ý nói trên đó ; biết ông là biết văn-chương, biết danh-vọng, nhất là phục cuộc Pháp-du của ông ; song lại đọc những bài luận-thuyết về chính-trị của ông, thấy nhiều ý-kiến có ý biểu-dồng-tin cùng chính-phủ, lại nghe những lời phê-bình về cái thái-độ đó của ông ; trong lòng luống những phản-ván, nửa kính-phục, nửa mến-yêu, hướng-chi cũng mong cùng ông một hội một thuyền về văn-chương sau này. Ngay lúc ấy tôi đã có lòng hoài-bão về văn-nghiệp vậy. Nhưng cũng không khỏi bán tin bán nghi về phương-diện chính-trị của sự-nghiệp ai. Tôi ngó lời tạ ơn ông Quỳnh (1) quá yêu viết bài khuyến-khích tôi. Ông hỏi tôi về việc học, về những ý-nguyện của tôi với thân-thế tương-lai, nói chuyện có vẻ thân-ái và nhã-nhận ; bấy giờ tôi mới biết cái tiếng đồn rằng ông Phạm là người kiêu-căng lãnh-đạm thật là một tiếng đồn sai.

Tôi vốn là một người nóng nảy, khi có một câu gì muốn nói, muốn hỏi, thì dẫu cho mang tiếng tò-mò hay đường-đốt, cũng phải hỏi cho xong. Thế cho nên dù khi ấy chỉ là một cậu học trò « con-le » đến gặp nhà danh-sĩ, mà tôi

(1) Xem Nam-Phong 15-7-1934.

hỏi liền ông Phạm câu sau này, nói tiếng Pháp :

—Tiên-sinh hiện đang binh-vực quan-trưởng? Đó là một điều khiến cho nhiều thanh-niên không vui. Vì, tiên-sinh cũng đã rõ, chúng tôi không hi-vọng gì vào cái cơ-quan đã vì nhiều sự nhùng-làm mà mất tiếng.

Đó có lẽ là tóm-tắt tư-tưởng chính-trị ông Phạm một cách hơi đơn-giản quá... Song ông cũng không lấy làm phật ý. Ông không tỏ ra một chút ngạc-nhiên nào, vẫn bình-tĩnh như thường, nhìn trông-trọc vào tôi mà đáp :

—Tôi phân-biệt các quan một đẳng mà cái quan-trưởng là một đẳng, quan xấu thì thay đi, sao trách quan-trưởng được! Bỏ quan-trưởng! Bỏ thì lấy chi mà thay vào? Đối với tôi, các quan là những nhà cầm quyền mà tất ta phải có, nhất là mai sau, khi nào ta tự-trị, không có quan thì ai cai-trị nước mình? Hiện nay có nước Pháp cai-trị ta, nhưng tôi nghĩ đến cái ngày mà nước Pháp trả lại cho ta hết thầy công việc trị nước. Khi đó, có các quan thì mới có thể trị nước được chứ?

Tôi đáp :

—Đã hay không nên vì những quan xấu mà chê cả quan-trưởng, nhưng cái hoàn-cảnh làm hại đến đức của người, đã nhiều lần ta thấy chứng-cớ hiển-nhiên, vậy thì có lẽ cũng phải đổi hoàn-cảnh, đổi hoàn-cảnh tức là đổi cả nền-nếp quan-trưởng đi mới được.

Ông Thượng-chi :

—Tôi không hoài-nghi quá như ông đối với giá-trị và đức từng người, tôi tin rằng có người có thể chống lại với hoàn-cảnh.

Ông Thượng-chi nói đến đây rồi đứng dậy. Tôi mới sực nhớ rằng mình đến đây là để cảm ơn ông, mà lại để câu chuyện lạc đi đến thế du? — Tôi trở lại những lời hàn-huyên lối thường

như thăm anh Phạm-Giao, trưởng-nam ông, là bạn học tôi ở trường Tri-tri thuở nhỏ. Rồi cáo từ, trong trí vẫn còn phân-vấn đối với vấn đề quan.

Cái phân vân đó sau này lâu lắm tôi mới thắng được nó,— thắng được nó vì có ra đời, có xem xét đến sự thực, có ra đời mới biết việc đời nhiều khi không đúng với lý-luận. Ví dụ như thanh-niên An-Nam bây giờ muốn tiến-hóa nhưng nên tin vào vua vào quan dù mình vẫn thích tử-tướng Thái-tây cũng phải ép lòng mà tin như vậy. Đó là trái với lý-luận nhưng sự thực buộc phải thế, vì xem sự thực mới biết bạn tân-học rất ít mà ở nước ta đại-da-số quốc dân đều sao vẫn muốn có vua có quan.

Ôi! Kể thanh-niên này phải chịu công-nhận cái luật tiến-hóa rất chậm-trễ, cũng đau lòng lắm phen. Nhưng càng sống càng phải học cái tính nhẫn-nại. Thôi thì chậm thì chậm, miễn là có đi chớ đứng. Đi hay đứng, cuộc thăm thần-kinh lần này sẽ cho ta luận biết chút nào chăng?

Trong buổi chiều êm-ả bên Hương-giang, trên chiếc xe hơi của Hoàng-đế ban cho cụ Thượng Phạm dùng, tôi lại cùng cụ Thượng nói lại câu truyện ở cái gác hàng Gia năm xưa vậy. Thỉnh-thoảng cái vẻ nào-nùng của hoàng hôn như nhẹ-nhàng bịt lấy miệng mà giục mình im tiếng lặng ngắm cảnh vật. Khách-du cũng sẵn lòng mà vâng cái lệnh kia. Ôi! những buổi chiều ở Huế! những bóng tối có vẻ hữu-tình, những mùi hương, những bóng cây êm-dềm, những con đường đồng bằng dưới bóng cây thông! ... Ôi! cái vẻ trầm-tĩnh những năm đất đèn đàng, tiếng chuông chùa xa đưa, ngọn lửa lập-lòe trong những túp lều tranh lâu-khuất dưới bóng tối! ... Cảnh đẹp thay!

(Còn nữa)

NGUYỄN TIẾN-LĂNG

NU'OC THỜ-NHĨ-KỶ MƠI (1)

■

II

III.— Lịch-sử và sự-nghiệp của Mustapha Kémal

a) Nước Thờ-nhĩ-kỷ ngày nay không còn là một nước yếu hèn, không còn là một nước đã phải đeo cái tên « người ốm », không phải bị những nỗi nhục-nhẫn vì các nước mạnh ực-kiếp. Nước Thờ ngày nay mà đã thành ra một nước mới-mẻ, hùng cường, đã làm được lắm việc cải-cách hay, khiến cho dân Thờ khi so-sánh với các dân-tộc Âu-Mĩ không phải xấu hổ ; nước Thờ ngày nay mà được liệt-quốc đối đãi một cách bình-đẳng, chớ không dám dè-nén như xưa, là cái công của một bậc vĩ-nhân hiện nay thế-giới đều biết tên và có lòng kính-phục. Bậc vĩ-nhân ấy tên là MUSTAPHA KÉMAL, là vị đại anh-hùng đã cứu nước Thờ khỏi cơn nguy-biến, nên được dân Thờ sùng-bái như một bậc phúc-thần. Vậy trước khi nói về nước Thờ mới, ta cũng nên biết qua lịch sử và sự-nghiệp của vị cứu-quốc anh-hùng ấy.

b) MUSTAPHA sinh ở thành Salonique, năm 1880. Ông thân-sinh trước là một viên-chức nha Thương-chính, sau từ chức về làm nghề buôn gỗ. Ông là một người thức-thời-vụ, thích dạy-tân, nên cho con vào học một trường ở tỉnh, lễ-chức theo lối mới, và theo những phương-pháp mới trong việc dạy-dỗ học-trò. Cậu MUSTAPHA học được ít lâu thì ông bố mất phải theo mẹ về nhà quê, ở với một ông chú, ngày ngày giúp chú trong việc đồng-áng và nhất

là việc đuổi chim cho khỏi phá-phách những cây đỗ. Nhưng bà mẹ nghĩ đèn-trong-lai con nên lại cho con ra lĩnh học, và gửi cậu ở nhà một bà cô ở thành Salonique. Cậu vào trường ít lâu, cãi nhau với một bạn học, bị thầy giáo phạt và đánh cậu, cậu tức mình bỏ về không đến trường nữa.

c) Bấy giờ cái chí-hướng của cậu mới hơi biểu-lộ ra. Cậu không thích học đẽ sau này làm quan lại, mà cậu thích luyện-tập nghề binh, nên cậu xin vào học trường vũ-bị. Bà mẹ ý không bằng lòng, nhưng cậu đã nhất-quyết, nên sau mẹ cũng phải chiều. Ở trường học, cậu thích nhất là khoa số-học, và tỏ ra là một trang thiếu-niên rất thông-minh, các thầy giáo đều có lòng yêu-mến. Một hôm, một vị giáo-sư gọi cậu lại bảo : — « Nay con, chớ nhẽ hai thầy trò ta cùng một tên là MUSTAPHA thì không tiện. Từ nay đẽ cho thầy trò phân-biệt thì con nên lấy tên là MUSTAPHA KÉMAL ». Kémal, tiếng Thờ nghĩa là Hoàn-toàn. Thầy hình-như đã hiểu thấu cái tài-năng và đã đoán rõ cái tương-lai rực-rỡ của trò, nên mới lặn-gho cho trò cái danh-hiệu qui-ấy. Thế là từ đấy tên cậu học-trò lại dài thêm, thành ra MUSTAPHA KÉMAL, cái tên mà nay lừng-lẫy cả hoàn-cầu vậy.

d) Vì cậu ham thích khoa số-học quá mà thành ra sao nhãng các môn học khác, nhất là môn Pháp-văn. Một vị giáo-sư mắng cậu, cậu tức khỉ, từ đấy những giờ được nghỉ cậu đem học lại

(1) Bài diễn-thuyết đọc tại hội Tri-tri Hà-nội ngày 30 Aoút 1934. Xem Nam-Phong số 203.

NU'OC THỜ-NHĨ-KỶ MƠI (1)

■

II

III.— Lịch-sử và sự-nghiệp của Mustapha Kémal

a) Nước Thờ-nhĩ-kỷ ngày nay không còn là một nước yếu hèn, không còn là một nước đã phải đeo cái tên « người ốm », không phải bị những nỗi nhục-nhân vì các nước mạnh ức-kiếp. Nước Thờ ngày nay mà đã thành ra một nước mới-mẻ, hùng cường, đã làm được lắm việc cải-cách hay, khiến cho dân Thờ khi so-sánh với các dân-tộc Âu-Mĩ không phải xấu hổ ; nước Thờ ngày nay mà được liệt-quốc đối đãi một cách bình-dẳng, chớ không dám dè-nén như xưa, là cái công của một bậc vĩ-nhân hiện nay thế-giới đều biết tên và có lòng kính-phục. Bậc vĩ-nhân ấy tên là MUSTAPHA KÉMAL, là vị đại anh-hùng đã cứu nước Thờ khỏi cơn nguy-biến, nên được dân Thờ sùng-bái như một bậc phúc-thần. Vậy trước khi nói về nước Thờ mới, ta cũng nên biết qua lịch sử và sự-nghiệp của vị cứu-quốc anh-hùng ấy.

b) MUSTAPHA sinh ở thành Salonique, năm 1880. Ông thân-sinh trước là một viên-chức nha Thương-chính, sau từ chức về làm nghề buôn gỗ. Ông là một người thức-thời-vụ, thích dạy-tân, nên cho con vào học một trường ở tỉnh, bổ-chức theo lối mới, và theo những phương-pháp mới trong việc dạy-dỗ học-trò. Cậu MUSTAPHA học được ít lâu thì ông bố mất phải theo mẹ về nhà quê, ở với một ông chú, ngày ngày giúp chú trong việc đồng-áng và nhất

là việc đuổi chim cho khỏi phá-phách những cây đỗ. Nhưng bà mẹ nghĩ đèn-trong-lai con nên lại cho con ra lĩnh học, và gửi cậu ở nhà một bà cô ở thành Salonique. Cậu vào trường ít lâu, cãi nhau với một bạn học, bị thầy giáo phạt và đánh cậu, cậu tức mình bỏ về không đến trường nữa.

c) Bấy giờ cái chí-hướng của cậu mới hơi biểu-lộ ra. Cậu không thích học đẽ sau này làm quan lại, mà cậu thích luyện-tập nghề binh, nên cậu xin vào học trường vũ-bị. Bà mẹ ý không bằng lòng, nhưng cậu đã nhất-quyết, nên sau mẹ cũng phải chiều. Ở trường học, cậu thích nhất là khoa số-học, và tỏ ra là một trang thiếu-niên rất thông-minh, các thầy giáo đều có lòng yêu-mến. Một hôm, một vị giáo-sư gọi cậu lại bảo : — « Nay con, chớ nhẽ hai thầy trò ta cùng một tên là MUSTAPHA thì không tiện. Từ nay đẽ cho thầy trò phân-biệt thì con nên lấy tên là MUSTAPHA KÉMAL ». Kémal, tiếng Thờ nghĩa là Hoàn-toàn. Thầy hình-như đã hiểu thấu cái tài-năng và đã đoán rõ cái tương-lai rực-rỡ của trò, nên mới tặng cho trò cái danh-hiệu qui-ấy. Thế là từ đấy tên cậu học-trò lại dài thêm, thành ra MUSTAPHA KÉMAL, cái tên mà nay lừng-lẫy cả hoàn-cầu vậy.

d) Vì cậu ham thích khoa số-học quá mà thành ra sao nhãng các môn học khác, nhất là môn Pháp-văn. Một vị giáo-sư mắng cậu, cậu tức khỉ, từ đấy những giờ được nghỉ cậu đem học lại

(1) Bài diễn-thuyết đọc tại hội Tri-tri Hà-nội ngày 30 Aoút 1934. Xem Nam-Phong số 203.

đảm, làm cho địch-quân phải lằm phen thất-bại. Khi trận Balkans kết-liều thì tuy nước Thổ thua mà thanh-danh ông đã lừng-lẫy trong đám quân-nhân, nên ông được bổ làm ủy-viên binh-vụ trong tòa Sĩr-thần Thổ ở Sofia là kinh-thành nước Bảo, cho đến khi cuộc Âu-chiến nổi lên, nước Thổ vào hùa cùng Đức, Áo, thì ông lui cầm quân ra chống-cự với Đồng-minh ở mặt trận Đông-phương

h) Trong thời-kỳ Âu-chiến, vì nước Thổ vào bè cùng Đức, nên binh-gia Thổ phải để dưới quyền chỉ-huy của một viên thống-tướng Đức là FALKENHAYN. Ông MUSTAPHA KEMAL bấy giờ coi một đạo quân Thổ ở sĩr Mésopotamie, nhưng ông không đồng-ý cùng viên thống-tướng Đức trong cách dùng binh. Thống-tướng Đức thấy ông phản-đối, có ý muốn dùng kim-tiền để mua chuộc, nhưng ông không chia. Vì thế mà ông không được chính-phủ Thổ tin dùng, và cho về nghỉ ít lâu rồi sai đi trấn-thủ một đồn ở xa. Trong khi ấy thì quân Thổ do người Đức chỉ-huy bị đại-bại khắp nơi, chính-phủ không biết làm thế nào lại phải triệu ông về giao cho ông điều khiển ba đạo binh để lấy lại các nơi đã mất: Khi ông sắp-sửa tiến quân thì vì Đức-Áo yếu thế, thất-bại đến nơi, nên nước Thổ phải xin đình-chiến (30 Octobre 1918). Ông được lệnh chính-phủ cử sang coi một đạo quân ở tận phía đông tỉnh Anatolie. Tưởng làm như thế thì chính-phủ không phải lo ngại gì về ông được, ai ngờ đầu vì ông phải dời sang miền núi non hiểm trở ấy mà sau này lập được một sự nghiệp hiển hách, nổi danh cái-thể anh hùng

i) Sau cuộc Âu-chiến, khi liệt-cường đình hòa ước thì có ý chia nhau đất-

dại nước Thổ, làm cho mất hẳn cái đế- quốc Thổ-nhĩ-kỷ ở trên bản đồ thế-giới đi. Các nước thắng trận định ủy-quyền cho nước Mĩ cai-tri thành Constantinople và xứ Atmènie, cho nước Hi-lạp miền bờ biển với tỉnh Smyrne làm trung-tâm, cho nước Ý tỉnh Anatolie phía nam, và cho nước Pháp tỉnh Anatolie phía bắc. Nhưng hòa-ước chưa ký thì ngày 19 tháng năm năm 1919, quân Hi-lạp, có quân Anh ám-trợ, kéo lên bộ chiếm lấy thành Smyrne. Chính-phủ Thổ ở Constantinople được tin, cuống-cuống, nhưng không biết xử-tri làm sao. Ngay khi đó MUSTAPHA KEMAL ở phía đông tỉnh Anatolie, tuyên-bố nhất-quyết chống-cự kẻ thù cho đến lúc cuối cùng, và lập ra một chính-phủ tạm-thời ở Angora để tìm cách cứu nước nhà trong cơn nguy-biến. Thế là từ đấy, quốc dân Thổ không còn biết đến chính-phủ ở Constantinople nữa, ai nấy đều hi-vọng vào MUSTAPHA để đuổi quân thù, và coi ông như một vị cứu-tinh vậy. Được quốc-dân tin-nhiệm, được quân-sĩ hết lòng, ông hăng-hái chống-cự cùng quân Hi-lạp, làm cho thế nước chống-ehênh lại vững-vàng yên-ổn, vì ông thắng được mấy trận lớn, làm cho quân Hi-lạp tổn hại rất nhiều và phải lui quân ra khỏi cõi. Cuộc đình chiến ký ngày 11 Octobre 1922, ai nấy đều kính-phục ông đã có một cái nghị-lực phi-thường, một tấm lòng ái quốc rất mạnh, khiến cho nước ông vira bị bại trận vira bị xâu-xé xong, mà nay nghiêm-nhiên thành một nước mới, có vẻ hùng-cường, chớ không suy hèn như trước. Sau cái vĩ-công hiển-hách ấy ông được đồng-bào ông hoan-hô và tặng ông cái huy-hiệu rất vẻ-vang: « El Ghazi » nghĩa là « Chiến-thắng tướng-quân ».

IV.— Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới

Nhưng sự-nghiệp của ông « Chiến-thắng tướng-quân » ấy không phải chỉ có cái vĩ-công hiền-hách vừa thuật trên đó mà thôi, cái sự-nghiệp đang lưu-truyền sử sách của ông là việc cải-tạo nước Thổ nhĩ kỳ về mọi phương-diện, là việc gây dựng nên nước Thổ-nhĩ-kỳ mới, khác hẳn với nước Thổ cũ là một nước hủ-lậu suy-đổi đã sắp đến ngày tiêu-diệt.

a) Ngay trong khi ông còn đang mắc cầu quân chống nhau cùng Ai-lập, ông đã để tâm đến việc cải-cách về phương-diện chính-trị rồi. Năm 1920, ông tuyên-bố sẽ chiêu-tập một Quốc-hội để thay vào chính-phủ ở Constantinople mà trông nom việc nước vì chính-phủ này đã phản nước hại dân. Rồi sau một cuộc tuyển cử, Quốc-hội thành lập họp ở trong một cái buồng con ở Angora, các ông nghị ngồi bàn việc trên những cái ghế dài của học-trò, ban đèn chỉ có hai cái đèn bằng sắt tây treo ở trên trần. Các ông nghị chưa-chan hi-vọng, hăng-hái làm việc, ngay hôm đầu 21 Janvier 1921 soạn xong một bản hiến-pháp định ách tổ-chức lại nước Thổ mới về đường chính-trị. Theo bản hiến-pháp ấy thì từ nay chủ-quyền hoàn-toàn ở quốc-dân, quốc-dân Thổ được tự định lấy số-phận mình, quyền hành-chính và quyền lập pháp ở trong tay Quốc-hội là đại-biểu cho cả nước. Thế là quyền quân-chủ ở Thổ-nhĩ kỳ đã bị đập đổ, và Thổ-hoàng không còn một chút thế-lực gì nữa. Thổ-hoàng bấy giờ là MEHMED VI thấy tình thế khó-khăn, bèn bỏ kinh-thành Constantinople xuống một chiếc tàu Anh mà trốn sang đảo Malte. Quốc-hội Angora liền tuyên-bố truất ngôi Thổ-hoàng MEHMED VI và lập một ông vua khác, nhưng từ nay Thổ-hoàng không còn quyền gì về

chính-trị nữa, mà chỉ còn giữ quyền về tôn-giáo thôi, nghĩa là Thổ-hoàng vẫn được coi như vị giáo-chủ của đạo Hồi.

Song cái quyền tôn-giáo ấy cũng không được bền, vì đến năm 1923 thì nước Thổ thành một nước cộng-hòa, và đến năm 1924 thì cái quyền tôn-giáo của nhà vua bị bãi hẳn. Khi nước Thổ tuyên-bố hiến pháp, lập thành chính-phủ cộng-hòa thì ông MUSTAPHA KEMAL được Quốc-hội đồng-thanh bầu lên làm Tổng-thống. Có nhiều người nhớ đến công cứu quốc của ông nghĩ muốn xin Quốc-hội sửa đổi hiến-pháp để bầu ông làm Tổng-thống mãi đời, song ông không bằng lòng, xin cứ theo hiến-pháp mà làm Tổng-thống mỗi hạn 4 năm thôi. Nhưng từ năm 1923, ông mỗi lần hết hạn, lại được tái-cử, nên ngày nay ông vẫn giữ vững cái ngôi Tổng-thống ở nước ông vậy.

b) Sau khi đã sửa sang việc chính-trị bên trong, sau khi đã ký hòa ước cùng các lân-bang và các cường-quốc Âu-châu để khỏi lo ngoại-hoạn, vì ông biết muốn cải-cách thì phải có hòa-bình — sau khi đã dẹp yên được cái phân-động-lực của bọn thủ-cựu và bọn bảo hoàng gây lên, ông bèn để hết tâm-trí vào việc làm cho dân-tộc Thổ thành một dân-tộc mới, để được hưởng một cuộc đời sung-sướng hơn xưa. Khi thì ông dùng báo chương cô-động, lúc thì ông dùng quyền-thế để bắt buộc cái mục-đích ông là làm cho đồng-bào ông dần-dần bỏ những hủ-tục buồn cười, làm cho người ngoài khinh bỉ, bỏ những cái thành kiến lam-lẫn, xui nên làm chuyện lỗ-lãng, và hấp thụ lấy cái hay cái giỏi của Âu-châu, ngõ-hầu trong cuộc cạnh-tranh mới giữ được phần ưu-thắng.

e) Một sự cải-cách lớn về hình-thức, một sự cải-cách đã gây nên nhiều cuộc đồ máu và đã làm cho lắm kẻ bị tù tội, là sự cải-cách về cái mũ. Nguyên trước kia người Thổ tuy quần áo theo lối Âu-châu, nhưng trên đầu vẫn đội cái « mũ lon » (sez) bằng dạ đỏ, chứ không dùng thứ mũ có vành như người Âu-châu. Đội mũ lon có cái tiện là lúc chào ai không phải bỏ ra, và lúc dọc kinh hoặc phủ-phục để tỏ lòng tôn - kính chúa Allah cũng cứ để nguyên trên đầu được. Vì cái thói quen ấy mà cái mũ lon đối với dân Thổ sau thành một cái biểu-hiệu về tôn-giáo, nên người Thổ nhất-định không chịu bỏ, vì bỏ đi tức là kém lòng tin-ngưỡng, và mắc tội khinh-mạn chúa Allah. Một lần, một người Anh hỏi một người Thổ rằng : « Tại sao người Thổ dùng y-phục Âu-châu mà lại không dùng mũ của người Tây ? » Người Thổ ấy trả lời : « Vì dân Thổ nhất-định không chịu thay đổi cái đầu lo bển khi MUSTAPHA KEMAL lên cầm quyền, thì cả quyết làm cho dân Thổ thành một dân-tộc hoàn-toàn mới, mới từ đầu cho đến chân, để trong khi chen vai thích cày cùng người không có cái gì kém cõi, nên bao nhiêu hủ-tục đều tìm cách bài-trừ cho hết, gia-di trong thánh-kinh Coran lại không có đoạn nào là cấm tin-dồ đạo Hồi đội mũ tây và bắt buộc phải dùng mũ lon cả. Rồi ông hạ lệnh rằng trong nước chỉ trừ các giáo-sĩ đạo Hồi là được đội khăn, trừ các quan-quản thủy bộ và các quan tòa đều có sắc-phục riêng, còn các hàng quan-lại đều phải ăn mặc theo lối Âu-châu ; khi đến trước mặt quan trên hay khi làm việc trong buồng giấy thì phải để đầu trần ; khi chào thì ngả mũ theo lối tây, hoặc không có mũ thì chỉ cúi đầu hay nghiêng mình một tí là đủ. — Khi lệnh ấy ra, dân-tộc rất

hoan - nghênh, đến nỗi các hàng mũ làm không kịp bán, và ở thành Brousse, nhân-dân nhiệt-thành đến nỗi thề rằng nếu chưa mua được mũ tây thì cứ để đầu trần, chứ không dùng lam mũ lon nữa. Giá mũ lẽ tất-nhiên là cao vọt hẳn lên, làm cho quan Tổng-trấn thành Constantinople phải ký nghị-định bắt các nhà hàng mũ không được tăng giá một cách quá-dáng. — Nhưng cũng có một vài lĩnh cho lệnh ấy là trái tôn-giáo, rồi sinh ra những cuộc biểu-tình, hai phái « mũ lon » và « mũ tây » xung-đột nhau một cách kịch-liệt, đến nỗi có lắm kẻ bị thương bị chết, khiến cho chính - phủ phải trừng-trị những kẻ biểu-tình, nhẹ thì bị tù mà nặng thì xử tử. Nhưng ta nên biết rằng những cuộc nổi loạn ấy không phải nguyên-nhân là vì muốn bảo-tồn cái « mũ lon », mà chính là do bọn thủ-cựu và bọn bảo-hoàng muốn phá đổ chính-phủ dân-quốc gây lên để lập lại cái quyền chuyên chế của Thổ-hoàng đó thôi.

d) Về phương diện luật-pháp thì từ trước dân Thổ vẫn lấy kinh Coran làm một bộ luật chung cho cả nước. Nhưng xét ra kinh Coran dùng để làm luật về tôn-giáo thì được, chứ dùng vào dân-sự, hình-sự thì có nhiều điều không hợp. Và lại ngày nay nước Thổ, chính-quyền và giáo-quyền đã chia đôi thì phải có một bộ luật khác thay vào kinh Coran mới được. Ông MUSTAPHA KEMAL bèn cử một ủy-ban xét về việc đó, và kê-cửu xem trong các luật-pháp của liệt-quốc, luật-pháp nước nào hoàn-toàn hơn thì dùng ngay bộ luật của nước ấy cho tiện, khỏi phải mất công soạn một bộ luật mới khác. Ủy ban xét ra thì có bộ luật của Thụy sĩ là hợp với tình-thế ngày nay hơn cả, nên năm 1926 Quốc-hội Thổ-nhĩ kỳ quyết-nghị dùng bộ luật Thụy-sĩ cho nước Thổ,

không thay đổi một khoản nào. Thật là một sự cải-cách can-hệ mà thi-hành một cách rất nhanh.

e) Ông MUSTAPHA KÉMAL xét ra dân Thổ sở-di liền-bộ chậm-chạp, đến nỗi bị kém người nhiều về, là vì đã chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo rất sâu-xa, cái lòng tin-nguỡng n.ạnh quá, mọi việc đều tin theo tiền-định, có gặp tai-nạn gì thì chỉ biết nói câu : « Ấy là số trời đã định ; ấy là ý muốn của đức Allah », chớ không chịu dùng tài dùng sức mà chống-cự lại cho cuộc đời được sung-sướng hơn lên. Nay muốn cho cái lòng tin-nguỡng ấy bớt đi, thì phải tìm cách làm cho tôn-giáo không còn cái ảnh-hưởng mãnh-liệt đối với dân-tâm dân-tri như trước nữa. Muốn thế thì phải cải-cách lại việc học chính, để giữ cho bọn đồng-ấu và bọn thiếu-niên khỏi bị tôn-giáo bó-buộc sau này. Vì thế nên chính-phủ Dân-quốc hạ lệnh từ nay các trường phải để ra ngoài quyền tôn-giáo, trong các lớp học, các sân chơi, không được để một vật gì làm biểu-hiệu cho tôn-giáo cả. Sau khi ra lệnh ấy được ít lâu, Quốc-hội Thổ lại quyết-định rằng dân Thổ đến tuổi trưởng-thành được quyền theo tôn-giáo nào tùy ý, chớ không ai được bắt-buộc. Thế là dân Thổ được hưởng cái quyền tự-do tín-nguỡng như các dân-tộc Âu Mi vậy.

f) Một sự cải-cách nữa cũng thuộc về tôn-giáo là sự sửa đổi quốc-lich. Từ trước, dân Thổ muốn xem ngày tháng và muốn định các hội-hè lễ lễ, thì phải dùng lịch Hồi-giáo, căn-cứ vào mặt trăng như âm-lich của Tàu, không hợp với dương-lich của các nước Âu-châu nên sinh ra lắm sự phiền-phức rắc-rối. Những điều phiền-phức ấy trước kia đã có một vị Thổ-hoàng trông thấy, nhưng vì lễ tôn-giáo không dám

thay đổi, sợ phạm đến lòng tin-nguỡng của quốc-dân. Ngày nay ông MUSTAPHA KÉMAL vì những sự bất-liện của lịch cũ nước Thổ, nên hạ lệnh bắt đầu từ năm 1926, không dùng lịch cũ mà dùng dương-lich thay vào. Khi lệnh ấy ra có nhiều người sợ rằng sẽ xảy ra những cuộc biểu-tình đ.ồ-máu, nhưng vì ông đã được lòng cả nước kính-phục, nên việc cải-cách nào của ông thủ-xướng cũng được đồng-bào ông vui lòng tuân theo cả.

g) Về phương-diện văn-hóa thì ông thực-hành được hai việc cải-cách quan-trọng, sẽ có ảnh-hưởng tốt cho nền quốc-học Thổ sau này. Việc thứ nhất là chấn-hưng lại tiếng Thổ. Nguyên từ xưa tiếng Thổ bị nhiều tiếng nước ngoài pha trộn vào làm cho mất cả bản-tinh, mất cả linh-thần của dân-tộc đi. Nay muốn hồi-phục lại cái tinh thần cũ thì phải làm cho tiếng dùng trong nước giữ được cái nguyên-chất của dân-tộc, nghĩa là chấn-hưng lại tiếng nói của tổ-tiên xưa, rồi theo linh-thần cổ hữu của dân Thổ mà dần-dần làm cho phong-phú thêm lên. Quốc-hội bèn đặt một ủy-ban để xét về vấn-đề này, nhất là xem tên các thị-trấn, có tên nào dùng tiếng ngoại-quốc thì tìm tiếng Thổ mà thay vào. Một mặt thì ra một đạo-luật bắt các công-sở và các hội buôn, ngân-hàng... các giấy má tờ b.ồi đều phải dùng tiếng Thổ, nếu nhà buôn hoặc nhà công-nghệ nào không tuân lệnh thì phải phạt tiền, nếu tái-phạm thì phải đóng cửa hiệu hay nhà máy lại. Trong các trường ngoại-quốc mở ở nước Thổ phải dùng ít ra là ba vị giáo-sư Thổ để mỗi tuần dạy ít ra 13 giờ về lịch-sử, địa-dư và tiếng Thổ. Mà đến cuối năm, trò nào thi ba bài ấy hỏng thì không được lên lớp. — Việc thứ hai là dùng chữ la-tinh để thay vào lối chữ văn dùng từ xưa. Nguyên trước

dạy chữ Thổ dùng là chữ Ả-rập. Lối chữ ấy rất phiền-phức, tuy những tay bút-thiệp và những nhà mĩ-thuật có thể xếp đặt thành ra những bức tranh đẹp mắt, nhưng trẻ con mới học và cả đến người lớn ít học thì khi viết gặp phải nhiều sự khó-khăn, mà người ngoại-quốc trông vào thì cho là một đạo bùa bí-hiểm, không có hứng-thú gì cả. Vì lối chữ khó-khăn ấy mà dân Thổ số không biết chữ nhiều hơn là ở các nước khác. Nay muốn cho việc học được chóng mở-mang thì chữ viết cần phải cho giản-dị. Quốc-hội Angora tiền cử một ủy-ban để nghiên-cứu về vấn đề lấy chữ la-tinh thay chữ arabe. Nhưng trước khi ủy-ban này quyết-định, thì Tổng-thống MUSTAPHA KEMAL mỗi khi viết công-văn hoặc thư-tín đều dùng chữ la-tinh, và mỗi khi đi thanh-tra qua một tỉnh nào cũng diễn-thuyết cho dân-sự nghe về vấn đề dùng chữ la-tinh, có khi lại đứng ngay giữa trời mà dạy học công-chúng nữa. Năm 1928 khi Quốc-hội đã quyết-nghị lấy chữ la-tinh thay chữ arabe, thì khắp trong nước mở các lớp riêng để dạy dân học, và chính ông MUSTAPHA KEMAL nhận chức Tổng-thanh-tra để trông nom việc cải-cách ấy. Rồi ít lâu ông ra một đạo luật bắt khắp các sở công tư đều dùng chữ la-tinh, trong các trường đều dùng các sách học bằng chữ mới, và đơn từ chỉ cho phép làm bằng chữ arabe đến 1er Juin 1929 thôi. Sự cải-cách này kết-quả rất mỹ mãn, nên không bao lâu nước Nga cũng bắt chước làm theo. Thật là một sự vè-vang cho MUSTAPHA KEMAL vậy.

h) Về phương-diện xã-hội, ông đã dùng thế-lực của ông để trừ bỏ hoặc sửa đổi được lắm cái hủ-tục đã làm cho dân Thổ phải sống một cách hẹp-hòi khó chịu và đã làm ngăn-trở cuộc tiến-

hóa của họ trong mấy thế-kỷ.— Như về sự hôn-nhân thì trước kia theo kinh Coran, thường thấy lắm cuộc tảo-hôn, trai 13 lấy gái lên 9, và mỗi khi có đám cưới thì hai họ yến tiệc linh đình, mở hội hàng tuần, dù người xa lạ cũng phải mời ăn, thật là tôn-phi vô cùng! Nay theo luật mới thì trai từ 18 tuổi, gái từ 17 tuổi mới kết-hôn, mà việc cưới xin rất là giản-dị, chỉ được phép họ hàng bè bạn ăn tiệc trong một ngày thôi.— Lại theo kinh Coran thì một người Thổ theo đạo Hồi có thể lấy vợ theo đạo khác, nhưng một người con gái theo đạo Hồi thì không được phép lấy chồng ngoại đạo, ai trái luật này thì cả hai vợ chồng cùng bị xử-tử. Sở-dĩ có cái luật nghiêm-ác ấy là vì theo các nhà giảng đạo chủ thích kinh Coran, thì một người đàn ông lấy vợ theo đạo Cơ-đốc hay đạo Do-thái, vẫn còn là tín-đồ đạo Hồi, còn người đàn bà theo đạo Hồi mà lấy chồng khác tôn-giáo thì là một sự thiệt-hại cho Hồi-giáo, nên phải ngăn-cấm chặt chẽ như vậy. Nhưng từ khi dùng luật Thụy-sĩ thay kinh Coran thì trai gái không vì khác tôn-giáo mà đến nỗi phải hi-sinh ái-tình nữa. — Về việc tang cũng có cải-lương. Trước kia, người chết chỉ được phép bó vải mà không được dùng áo quan; nay người ta có thể dùng sàng bằng chì hay bằng gỗ. Trước kia đem người chết đi chôn thì để lên một cái cang, rồi họ-hàng, bạn hữu hay người qua đường khiêng đi; ngày nay đã được phép dùng xe tang. Trước kia đám ma không được phép dùng âm-nhạc, và trên mộ không được phép rắc hoa; ngày nay có thể dùng kèn trống để tiễn kẻ khuất đến chỗ ở sau cùng, và trên mộ những bó hoa chồng-chất lên nhau thường trông thấy.— Trước kia theo kinh Coran thì dân Thổ không

được chụp ảnh, không được đắp tượng, thành ra về đường mĩ-thuật phải chịu thiệt-thòi; ngày nay chụp ảnh tự-do, mà đúc tượng cũng không ai ngăn cấm nữa. Và chính ông MUSTAPHA KEMAL đã được dân Thổ dựng tượng để ghi công, một cái ở thành Constantinople, hai cái ở Angora và nhiều lĩnh khác cũng đua nhau dựng tượng ông để tỏ lòng biết ơn vị cứu-quốc anh-hùng ấy. Vì có việc cải-cách này mà dân Thổ ngày nay được tự do chuyên về mĩ-thuật, không sợ tội tù như trước nữa.

— Nước Thổ lại theo gương các nước văn minh, soạn một bộ luật lao động để bảo-hộ nhân-công khỏi bị các nhà tư-bản lợi-dụng và áp-chế. Trong các hiệu buôn, xưởng thợ, nhà máy, cũng như ở các công sở, định lệ mỗi tuần nghỉ một ngày, trước còn là ngày thứ sáu, bây giờ là ngày chủ-nhật như ở các xứ khác bên Âu-châu. — Mỗi tuần lễ các thợ thuyền không được bắt làm quá 60 giờ, kể cả giờ nghỉ theo luật đã định, giờ đọc kinh cũng thì giờ dùng để sửa chữa các máy móc khí-dụng. — Trẻ con chưa đủ 12 tuổi thì không được dùng làm thợ hoặc tập việc, và người nào chưa đến 18 tuổi thì không được bắt làm ở dưới mỏ — Mà làm ở dưới mỏ hoặc dưới hầm thì không được quá 6 giờ một ngày, kể cả những lúc nghỉ và đọc kinh. — Trẻ người chưa đủ 17 tuổi, các thợ khác lúc cần ra mà bắt họ làm thêm giờ thì phải trả tiền phụ-cấp cho họ, mà số giờ làm thêm đó thì mỗi người thợ mỗi năm không được quá 180 giờ — Công việc làm đêm nghĩa là từ 8 giờ tối đến 6 giờ sáng, không được phép dùng những người chưa đến 17 tuổi; mà những người làm đêm thì phải để nghỉ ban ngày, cũng như những người đã làm việc ban ngày thì không thể ép làm đêm được. Cũ xem luật lao-động

này thì bọn thợ thuyền Thổ nhi-kỳ ngày nay tưởng không có điều chi đáng phàn-nàn nữa!

i) Ngoài những việc cải-cách trên này là chung cho cả dân-tộc Thổ, ông MUSTAPHA KEMAL lại còn thi-hành lắm việc cải-cách riêng cho đám phụ-nữ nước ông nữa. Tuy có người bảo ông là một tay độc-lai, nhưng mà là một tay độc-lai mưu việc giải-phóng cho đồng-bào ông, dù về nam-giới hay nữ-giới cũng vậy. Trong cuộc giải-phóng phụ-nữ này, ông được mấy tay nữ-đồng-chí giúp sức nên công việc cũng không khó-khăn mấy mà kết quả rất là hoàn-mĩ. Trước kia tình-thế phụ-nữ Thổ-nhi-kỳ cũng bị phong-tục áp-chế, chẳng khác chi tình-thế phụ-nữ nhiều nước ở Á-châu (Trung-hoa, Ấn-đó, Việt-Nam v. v). Trong nhà thì phải ở dưới quyền cha mẹ, chồng con — ra ngoài xã-hội thì địa-vị kém-hèn, không được hưởng một chút quyền-lợi chi cả. Vì xúc-tiếp với văn-minh Âu-châu sớm, nên đầu thế-kỷ 19, trong nước Thổ đã nổi lên cái phong-trào tôn-trọng nữ-quyền, nhưng bước đầu tiên còn gặp nhiều nỗi khó-khăn, nên kết quả không được theo như ý muốn. Đến khi MUSTAPHA lên cầm quyền, nước Thổ lập thành dân-quốc, thì cuộc tiến-hóa của phụ-nữ đi nhanh một cách lạ-lùng, không những vì bấy giờ trình độ tri-thức phụ-nữ đã cao, mà lại còn được chính-phủ hể-lòng tán-trợ nữa — Trước kia phụ-nữ mỗi khi ra ngoài đều phải đeo một cái mạng trắng để che kín mặt và khoác cái áo dài trắng rộng thùng thình, chẳng khác chi dân bà mình mặc tang-phục theo đám ma. Ngày nay lối phục-sức đổi lại, bỏ cái áo thùng dài và cái mạng che mặt đi, phụ-nữ ra đường không cần che đậy cái nhan-sắc của

minh, khiến cho cuộc đời nhờ có những đôi mắt trong như nước mùa thu. những miệng cười tươi như hoa mới nở, mà được thêm vẻ mấn-mà khả-ái ! — Trước kia phụ-nữ Thổ học-thức kém cỏi, chỉ biết trông nom công việc trong nhà, ngày nay vì nữ-học mở-mang không những trong nhiều công-sở có các viên-chức đàn bà, mà lại có vô số là nữ-thí-sĩ, nữ-trang-sư, nữ-bác-sĩ, nữ-phi-công kia nữa. Cái giá-trị phụ-nữ vì thế mà được nâng cao, rồi những bậc nữ lưu tri-thức trong nước họp đại-hội-nghị, diễn-thuyết đề đòi các quyền-lợi từ trước chỉ riêng bọn nam-nhĩ được hưởng. Nào là quyền tự-định hôn nhân, nào là quyền nhất phu nhất phụ, nào là quyền bảo-cử đại-biểu, nào là quyền bình-dẳng đối với pháp-luật, v. v... Những quyền đó ngày nay đàn bà Thổ đều được hưởng cả— Ngoài ra họ lại còn được phép lên sân khấu diễn kịch, được phép khiêu-vũ với người ngoại-quốc, được phép dự những cuộc thi mỹ-nhân, là những việc mà trước kia cấm ngặt.— Thế là phụ-nữ Thổ ngày nay so với chị em hai ba chục năm về trước, được tự-do sung-sướng hơn nhiều

Kết-luận

a) Trên đây là thuật lại những việc cải-cách của ông MUSTAPHA KEMAL ở nước Thờ-nhĩ-kỷ từ khi ông lên cầm quyền-chính đến nay, nghĩa là mới trong vòng hơn chục năm thôi. Đối với khoảng thời-gian ngắn-ngủ kia mà làm được như thế, nếu không phải là

một bậc vĩ-nhân được lòng dân kính-phục thì tưởng không sao làm nổi ! Nhờ những sự cải-cách ấy mà nước Thổ ngày nay thật khác hẳn nước Thổ ngày xưa, vì đã thành một quốc-gia hoàn-toàn, có một cái quốc-hồn mạnh-mẽ, chiếm được một địa-vị khá cao trong cõi doanh hoàn. Cái công lớn-lao ấy, cái công cải-tạo nước Thổ nhĩ-kỷ ấy, dù ai thiên-vị đến đâu cũng phải qui vào cho bậc « anh-hùng đã tạo nên thời-thế » là ông MUSTAPHA KEMAL vậy. Cái công ấy không những đồng-bào ông biết mà thôi, cả đến người ngoại cuộc cũng phải khâm-phục mà làm sách ca-tụng tài-năng ông và tán-dương sự nghiệp của ông.

b) Nay ta đã biết đến việc của người, tưởng ta cũng nên xét đến phận ta một chút. Tuy nước Việt Nam mình không có cái đại-phúc sản-xuất ra một bậc vĩ-nhân như MUSTAPHA KEMAL để cải-tạo cho dân-tộc mình, nhưng ta đã có một cường-quốc văn-minh là nước Pháp, chịu cái trách-nhiệm diu-dắt ta trên đường tiến-hóa, vậy chẳng kịp thì chầy, thế nào ta cũng có ngày theo kịp bằng người, chớ không lẽ lại chịu đứng yên một chỗ ! Ta mong rằng không bao lâu nữa, trong cái tủ sách gia-đình của ta, bên cạnh quyển « Nước Việt Nam cổ » của quan cố Toàn-quyền PASQUIER đã làm đề ca-tụng cái hay cái đẹp của ông cha ta ngày trước, ta sẽ có một quyển « Nước Việt-Nam mới » nói về những cái hay cái đẹp mà thiếu-niên ta sẽ làm được sau này.

NGUYỄN VĂN-HIỆO



VIỆT-NAM TỎ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言



XVII

- 853 — *Bi dáu mà vôi mà vàng,
Mà bỏ túi bạc mà mang túi chì (1).*
- 854 — *Động biển Đại-bàng, vác nôi
rang thóc,
Động biển bên sóc, đồ thóc ra
phoi (2).*
- 855 — *Đom đóm bay ra, trông cả tra đỗ.
Tua-rua bằng mặt, cất bát cơm
chiêm (3).*
- 856 — *Gặp sao hay vậy (4).*
- 857 — *Gửi trứng cho quạ (5).*
- 858 — *Gươm cầm đằng lưỡi (6).*
- 859 — *Gà tặc nhau về tiếng gáy (7).*
- 860 — *Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở (8).*
- 861 — *Gà người gáy, gà ta ú-ó (9).*
- 862 — *Thời buổi nào, kỷ-cương ấy (10).*

1) Răn làm việc gì cũng không nên vôi-vàng. Vì vôi-vàng mà thành ra bỏ cả cái qui lấy cái hèn, chứ không thì ai lại không biết bạc là qui, chì là hèn.

2) Đại-bàng, tên một làng ở về ven bể tỉnh Kiến-an gần Hải-phòng Bắc-kỳ. Sóc là bắc. Đây là lời kinh-nghiệm để xem khí-hậu mưa nắng của người nhà nông ở vùng bể miền Kiến-an, Hải-phòng. Vì đã nghiệm rồi cho nên hề thấy động biển ở về phạn Đại-bàng thì thế nào cũng mưa, thóc sẽ không phoi được, phải rang mới có thóc khó làm gạo ăn. Còn như thấy động biển ở về phía bắc vùng bể đó, thì người ta biết thế nào cũng nắng, cứ đồ thóc ra mà phoi, không sợ mưa.

3) Cũng là lời kinh-nghiệm về khí-hậu của nhà nông, cứ xem đó mà làm việc nông-phổ cho đúng thời-tiết. Về

tiết tháng giêng âm-lịch, hề thấy đom-đóm bay ra nhiều là khí-hậu đã ấm, thì nên trông cả và gieo hạt đỗ gọi là tra đỗ. Sao tua-rua bắt đầu mọc ra đông-phương vào hồi cuối tháng tư đầu tháng năm âm-lịch, là tiết bắt đầu nóng bức. Đến khi chập tối đã thấy tua-rua đã cao ngang mặt, thì lúa chiêm mới chín mà có cơm chiêm.

4) Chê cái tính cầu-thả. Vãng-minh là không cầu-thả, việc gì cũng cầu chỉnh-dốn, sạch sẽ, đủ lệ. Nay gặp sao thì hay thế, không cần gì, tức là cầu-thả, cầu-thả thì thoái-bộ.

5) Quạ hay đi ăn vụng trứng các chim khác, nay tin quạ đem trứng mà gửi nó thì ngu là dường nào. Trong « Việt-sử ca » chê vua Trần Thuận-tôn ký-thác con coi cho Hồ Quý-Ly là kẻ gian-thần có câu:

*Quạ con đem gửi ác (quạ) già,
Nghĩ rằng phó-thác đã là đặc-nhân.
Tức là diễn ở câu này ra.*

6) Bối câu ngạn-ngũ Tàu: * Đảo tri Thái-a, thụ nhân dĩ binh 倒持太阿, 授人以柄 — Quay ngược gươm Thái-a (tên gươm báu) mà đưa chuôi cho người ta cầm ». Lời lí-dụ: đã đem quyền-yếu trao cho người rồi, nếu đòi lại mà không khéo thì bị nguy ngay. Cũng như đưa chuôi gươm cho người ta cầm, mà mình cầm đằng lưỡi. Hề mình cựa là bị đứt tay ngay.

7) Lời vi, gà là giống vật hèn, nhưng nó cũng biết đua ganh nhau, đua ganh

về tiếng gáy. Con gà trống nọ nghe tiếng con gà trống kia gáy thì liền tức khí mà gáy theo. Vật-loại còn như thế nữa là người ta lại không biết lấy kém người làm sĩ mà đua ganh cho kịp hay sao.

8) Dạy cho biết cách cần-thận với những việc nhận ai gửi gì để nhờ mình đem cho kẻ mà họ dặn. Như gửi lời nói dặn miệng nhờ nói giùm thì cứ thực có thể nào nói thế. Còn như gửi cái gói gì, thì phải bảo người chủ gửi ấy giờ cho mình xem rồi sẽ gói lại. Nếu không thì hoặc khi gói người chủ gửi lầm, hoặc bày tỏ lấy đi, rồi cứ khai vào giấy cái số đã định trước. Đến khi kẻ nhận được gói ấy giờ ra thấy thiếu, thành ra mình bị mang tiếng. Hay là cái gói gì không tiện bắt mở cho xem trước, thì bảo người chủ gửi phải niêm phong ký tên, cũng là ý cần-thận ấy.

9) Vì với sự đua tranh, con cái nhà người đã tiến-tới thì con cái nhà ta dù kém sức cũng phải cố sức theo mà phấn-chấn lên.

10) Dạy phải nên tùy-thời mà biến-dổi, không nên cố-chấp mà thủ-cựu. Mỗi thời-buổi có một kỷ-cương, kỷ-cương ấy là do sự tiến-hóa của thời-thế khiến nên. Vậy ở thời buổi nào phải theo kỷ-cương ấy cho hợp.

* *

- 863 — *Gái có con như bồ-hòn có rễ,
Gái không con như bè nghề trôi*
864 — *Giấu voi đụn rạ (2). [sóng (1).*
865 — *Giá-thú bất luận tài (3).*
866 — *Giàu đồ bìm-bìm leo (4).*
867 — *Ăn lắm hết miếng ngon,
Nói lắm hết điều khôn hóa rờ (5).*
868 — *Vội giận mất khôn (6).*
869 — *Muốn ăn thóc phải tìm giống (7).*
870 — *Gió heo may, mưa bay lên ngọn (8).*

871 — *Trăng quầng thì cạn, trăng tán thì mưa (9).*

872 — *Giàu lúc còn son, giàu lúc còn lớn (10).*

1) *Bồ-hòn* là thứ cây to mọc trên đất cạn có quả, cùi quả cực đắng và dùng nhựa bọ nó để lấy giất cho sạch trắng được. *Nghề* cũng là nghề, thứ rau ở nổi mặt nước, lan thành từng bè. — Đây nói con là cái quan hệ của đời người đàn bà, như rễ quan-hệ cho thân cây. *Bồ-hòn* mọc yên một chỗ là vì có rễ, bè nghề trôi sông không đâu là chỗ yên thân là vì không mọc rễ xuống đất được. Vậy những người con gái bình-hồng hoặc đã lớn tuổi phải nên lo đến sự thất-gia, cho có chồng con, để mà cầu gốc rễ cho đời mình về sau được có căn-cứ yên ổn.

2) *Chê* kẻ ngu, cũng muốn giấu kín việc làm, nhưng không biết cách giấu, thành ra mình tưởng là kín rồi mà người ngoài vẫn trông thấy sờ-sờ. Thế cũng như kẻ đem giấu con voi vào đụn rạ, voi lại lớn hơn đụn rạ, thì còn giấu ai được.

3) *Giá thú bất luận tài* 嫁不論財 = Việc gả chồng dựng vợ cho con chẳng nên lấy của mà bàn-bạc so-sánh nhiều ít. Đây là lời cách-ngôn về sự giá-thú. Vợ chồng không những là bạn ái-tình trăm năm, mà còn là kết-hợp với nhau để làm nghĩa-vụ đối với xã-hội, với giống-loại. Vậy đôi nào thề-chất quá xa lệch, tâm-tình ý-chí không hợp thì khó hợp với nhau mà ở đời được. Đã như thế thì sự kén chọn cho được người vừa đôi phải lựa không phải là dễ. Đã cần về người mà lại suy-bì giàu nghèo, bên mong liền cưới nhiều, bên cầu của hồi-môn to, thì thề nào cũng không kiếm được cả hai: người và tiền. Cho nên nói việc giá-thú chớ nên luận về tiền tài.

Xét lễ giá-thú ở nước ta về cụ-thời, sinh-lễ cũng giản-dị mà tiền cưới ít ỏi lắm. Nay, nhất là ở thị-thành, lễ cưới quá xa-xỉ, cái tệ đó có hại cho trai gái thanh-niên nhiều.

4) *Bim-bim* là thứ cây dây leo, hoa như hoa muống, lột làm thuốc, trắng gọi bạch-sửu 白朮, đen gọi hắc-sửu 黑朮. Giậu là cái để ngăn giới-hạn cho mỗi nhà, bằng cành tre, nứa hoặc trồng thứ cây gai gì cho kín. Đây là ví với khi đã suy thì kẻ hèn hơn nó hay lẫn, hoặc sự tai-hại nó đem đến luôn. Cũng như khi giậu đã đổ, người không sửa sang, thì bim-bim mới leo lên dây được. Vậy gặp lúc suy càng phải đề-phòng.

5) Ăn lảm-nhảm lảm, bất phán miếng ngon miếng không, sau ăn miếng ngon cũng không biết là ngon. Nói lảm-nhảm lảm, bất biện điều khôn điều dại, sau nói thuần điều dại cũng không biết, thành kẻ điên rồ. Đó là lấy sự ăn nhảm lảm để tỉ-dụ với sự nói nhảm lảm. Cái lẽ tất-nhiên sẽ đến như thế. Vậy kẻ nói phải nên cẩn-thận liện lời, đừng phóng-túng quá mà thành người hồng.

6) Khi giận-dối thì ý nghĩ thiên di, lời nói việc làm lúc đó chỉ cần cho hả giận nên không kịp nghĩ, sẽ vì đó mà xảy ra chẳng hay về sau. Thế là không còn biết gì là khôn nữa. Vậy gặp sự trái ý không nên giận-dối một cách vội-vàng, mà phải nên lòng nghĩ lại chút đã.

7) Đây là ví với sự kén chủng-loại tốt trong đạo hôn-phối. Người hay có chủng-loại cũng như thóc tốt có giống. Xem người làm ruộng có biết chọn lựa thóc giống tốt thì mới thu được nhiều thóc tốt và nầy-nở nhiều về sau. Nếu bạ thóc nào gieo thóc ấy thì không những sau chỉ lại thu được thóc xấu mà sự nầy-nở cũng kém. Vậy sự kén

vợ kén chồng há không nên cẩn-thận ở chỗ chủng-loại lắm dư.

8) Mía trồng đầu năm đến cuối năm thì cây vừa tầm cao, nhưng hễ có gió heo-may tức là gió bắc, tiết cuối thu, thì mía mới ngọt, mà ngọt lên đến ngọn. Còn trước chưa có heo-may thì tuy mía lớn đủ rồi mà vẫn chưa ngọt.

9) Cách xem khí-hậu mưa nắng của nhà nông. *Trăng quầng* là người ta trông lên thấy xung-quanh mặt trăng có vòng tròn năm sắc. Đó là vì khi đó không-khí ở gần đất trong sạch không có hơi nước vẩn vào. Chỉ ở tầng cao mới có ít hơi nước. Hơi nước tầng cao bị ánh trăng phản-chiếu mà thành ra những vòng có nhiều sắc ấy. Vì thế chưa có mưa được, nên thấy trăng quầng thì biết là còn bị cạn. *Trăng tán* là khi ấy không-khí gần đất có nhiều hơi nước, bị ánh trăng phản-chiếu, người ta trông lên thấy có cái vòng to một sắc na-úa gọi là cái tán, thì biết là sắp mưa. Không cứ ánh trăng, mà ánh mặt trời cũng thế. Thuyết thiên-văn nghiệm khí-hậu ngày nay cũng nhận và giải như thế. Nhưng cổ-nhân thì chỉ nghiệm thấy quầng tán thì biết cạn mưa mà thôi. Chứ không hiểu cái lẽ vì hơi nước bị ánh trăng phản-chiếu.

10) Trong thời-kỳ nuôi con mọn, không những tốn nhiều tiền-của, mà cả hai vợ chồng đều phải bận-bịu với con, nào nuôi-nấng, nào khi sài-đen, có bao nhiêu cũng tiêu hết mà không làm được mấy công-việc khác. Thế thời khi ấy vợ chồng dù có muốn làm giàu cũng khó. Bởi thế có muốn làm giàu chỉ ở thời-kỳ vợ chồng còn son và thời-kỳ con cái đã lớn mà thôi. Coi đó thì biết sự nuôi con tốn-kém vất-vả la thế nào.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỒ-NAM

CÔ-LÂU-MỘNG

của Ngạc-Am Vô Liêm-Sơn



Quyển Cô Lâu-Mộng (1) của Ngạc-Am tiên-sinh không phải một quyển tiểu-thuyết tâm-thường, kể truyện trai gái yêu nhau, nó có ngụ một thuyết cao-xa có thể cho gồm trong mấy câu sau này của Khái-sinh (vai chính trong truyện) ghi trong Cô lâu-mộng-ký :

« ... Biết chân-tướng loài người, cũng chỉ là một tọa cô-lâu ; từ vương-hầu khanh-tướng, cho đến hạ-hộ cùng-đinh, từ hào-kiệt, thánh-hiền, cho đến ngu-phụ, ngu-phụ cũng sần-sần giống nhau mộ bộ xương khô ấy cả.

... Người đời cũng chỉ giành nhau cái vỏ ấy, khiến cho sang tở mặt phần. cực nhuộm chân bùn, béo mơn mỡ gà, dôi xo da cóc, ngàn tội vạn ác, thắm không nở ngó, mà không biết rằng : máy xay ngũ cốc mà ngồi đi 24 giờ không chạy, thì cái vỏ thịt ấy hơn thua nhau sẽ ra thế nào ... »

Vẫn biết cái thuyết ấy ai lại chẳng hiểu, nhưng ngặt vì thương người đời không hay nhớ đến, mà may cho tên Khai-sinh kia nêu cũng như người đời quên mất đi, không phải cái mộng nhắc lại cho Khái-sinh cái « không chi » của đời, thì Khái-sinh cũng phải chìm đắm vì sắc nước hương trời của Dương-Hoa đang lập « Mê-hồn-trận », cốt làm cho tên Khái-sinh phải bỏ chỉ-

khí riêng mà xoay theo con đường của cha anh trong trường quan-lại.

Xin nói mau rằng cái truyện của Khái-sinh này là một truyện ở Trung-hoa, không phải xảy ra ở nước ta, vì bản-tính của Khái-sinh theo tác-giả cũng khác tính-tình phần đông thanh-niên ta vậy ; mấy câu văn của Khái-sinh :

*« Lê chẳng cầu thành, duy đến lay,
Văn không kể lay, cốt già khuyển ;
Đạo lý kẹp khó ba xác giân,
Văn-chương mãi lộn cái khung hiên. »*

Cũng đủ tỏ cái khiêu ngang-làng của Hàn công-tử sinh-trưởng trong nhà quan. Khái-Sinh là con út cụ tổng-đốc tri-sĩ Hàn Ấn-tướng ở tỉnh Giang-tô. « Lúc công-tử sinh, cụ mộng thấy ông thần mặc áo giáp vàng dền tặng cho cụ một cái hốt bạc cho nên cụ đặt tên là Ứng-Mộng », nhưng Ứng-Mộng lại thích cái tên tự mình đặt ra là Khái-Sinh.

Hàn-công có ý bắt Ứng-Mộng luyện tập văn-chương cử-nghiệp để khoa sau đi thi, để thêm rạng tiếng của nhà danh của họ, nhưng Ứng-Mộng ương, gàn, lại nhất thiết chối từ, vì cậu có nhiều quan-niệm khác cha. Đem danh mà danh-dỗ cậu, cậu lại đáp chưa hiểu cái chân-tướng của chữ danh :

(1) Tân-Văn-ngữ tụng-thư 27, Rue Gia-long Huế. Quyển thượng 132 trang, hạ 124 toàn bộ 1 ường.

« ... Danh tiếng nhà ta tùy cái chí-hướng cao-thượng của đạo-lý mà thực hiện ra? Hay là tùy sự thị-phi dè-tiền của thế-tục mà thực-hiện ra? Cái đó con hãy chưa nói. Chỉ nói: chữ « danh » từ xưa nguyên không có. Không ai giành hơn ai, không ai phải thua ai, thì chữ « danh » thực-hiện ra thế nào được. Sau có những kẻ có thế-lực, có quyền-thuật đặt ra một cách lừa đời gạt chúng, khiến cho trăm ngàn vạn bọn u-mê như-nhát, ca-tụng mình là thần là thánh, là hào-kiệt, là anh-hùng; mà từ đó khắp trong thiên-hạ đầy cả làn sóng chữ « danh » không tự xưng là thần, là thánh, tự phụ là hào-kiệt, là anh-hùng, thì lại lấy được giàu hời-hám các bậc đó làm rạng rỡ tông, làm kính thiên-hạ, làm phúc cho con cháu đời đời. »

Đem oai quyền của cha mà bắt biểu Ứng-Mộng, Ứng-Mộng cũng chịu dè cha cho là đứa bất-hiểu mà ngộ rằng:

« Cha mẹ sinh con, chẳng qua là thuận theo lẽ trời đất tự-nhiên, sinh-sinh, hóa-hóa, sinh con ra là một người trong ức triệu người mà thôi. ... Sức con nhỏ được cây cỏ, con ăn cây cỏ, tài con dào được cái củ, con chỉ ăn cái củ ! ... »

Dẫu cho Mạc-thị là ái-ơ của Hàn-công và mẹ của Ứng-Mộng khuyên dỗ, Ứng-Mộng cũng không thể nào theo được.

Nhưng Hàn-công lại muốn lập mưu để đưa Ứng-Mộng vào trong cái bẫy tình họa chẳng đứa con dở-dạng ấy nhụt bớt cái chí-khí kia đi.

Hàn-công có quen với Hồ Thị-lang là người mang ơn của Hàn-công. Hồ Thị-lang có một tiểu-thư tên là Dương-Hoa.

« Dương-Hoa tiểu-thư thông-minh tuyệt đỉnh, nhan-sắc tốt vời, cái dáng

bề ngoài nghiêng nước, nghiêng thành, không thẹn với cái tài bề trong mưu thần chước quỷ. Tưởng những lúc đứng trước trang dài, lặng ngẫm dung-nhan, cũng nên tự-dắc cho mình không phải như ai, bóng thẹn cùng gương, mặt đỏ với phấn. ... »

Hàn-công hỏi Dương-Hoa cho Ứng-Mộng mà họ Hồ cũng đã gà tiếng rồi. Nay Hàn-công gửi thư cho Hồ Thị-lang bàn tính chuyện gửi Ứng-Mộng qua đó để làm thầy học cho công-tử họ Hồ, nhưng kỳ thật là để đưa Ứng-Mộng vào Mê-hồn-trận.

Thế là tự do, Khái-sinh ở trong vườn nhà họ Hồ, cùng với Khả-nhi, tiểu-đồng của nhà ấy, thường đi ngắm cảnh trăng hoa; mà cũng nhân một buổi đi chơi mà gặp bóng người thiếu-ữ.

Tên Khả-nhi yêu quái là đứa đem ơn qua lại, cái tài quỷ-quyệt của nó phụ với linh-tinh của Dương-Hoa được cha mẹ thuận cho làm nữ-tướng chỉ-huy trong trận mê-hồn đã làm cho Khái-sinh mỗi ngày càng chìm đắm trong bể ái.

Cũng vì chiến-lược tình-xảo, với cách khi hoãn, khi cấp, khi cầm, khi thả, khi lên, khi lùi, mà Ứng-Mộng phải mần-mê lẫn-lóc, ... cái chí-khí, cái cao-thượng, của thanh-niên cũng phải rứt mất, mà cái bầu máu nóng đang lẽ để hiến cho việc cứu-thế giúp đời nay đã nguội lặn, linh-bồn đã phải con ma tình quyến-quýt, đến nỗi khiến xui Khái-sinh viết thơ về nhà mà xin cùng song-thần kết duyên cầm sắt với Hồ Dương-Hoa

Mưu-kê của Hàn-công như Dương-Hoa đã có một phần kết-quả, nay giờ phải lợi-dụng cái tình si của Ứng-Mộng để đưa Ứng-Mộng vào lối học dè thi. Có lẽ Dương-Hoa biết rằng khó lòng

đỗ ngọt, nên mới bày ra lối phá đám của chú Huyện.

« Nguyên chú Huyện đó đi đâu cũng khoe cháu chú có tướng làm nhất phẩm phu-nhân, chừng chú làm liền nhận lời một công-tử nào đó... »

Nhưng mưu-kế ấy có lẽ không hay, nó chỉ làm cho ngọn lửa cao-ngạo của Khái-sinh, chưa tắt hẳn, muốn bùng-hừng đổ lên. Hàn-công kiếm cách đem Khái-sinh về để khuyên con chăm lo học-hành, sang năm thi cử xong mới định hoàn-hôn.

Khái-sinh về thương nhớ Dương-Hoa không xiết, một hôm rầu-rĩ ra chơi ở bến sông thấy thuyền Dương-Hoa đi kinh mà không ghé lại, chàng như điên, như dại cố nhảy xuống sông để gặp được người tình. May có người của Mạc-thị sai đi cứu được đem về. Khái-sinh từ hôm ấy, phát bệnh, nói điên, nói cuồng, nghĩ rằng thói đời ô-uế lợi dụng ái-tình, lễ-giáo đã làm bức thành ngăn ái-tình của chàng với Mãn-khanh (tên hiệu của D. H.), mà Khái-sinh quyết đập đổ cái ác-chương ấy, mãi cho đến khi mửa máu mới nằm im lặng.

Sau lúc tỉnh, một câu nói của Hàn-công bên kia phòng làm cho Ứng-Mộng hồ-nghĩ; cái chứng mới ấy đã choán văng bề não, cậu cố dành cho tan đám mây mù ấy. « May cho Khái-sinh là người trước có tình thanh-cao, có khí tự-lập, nay đã biết nghĩ tất suy-nghĩ, có suy-nghĩ tất gặp chân-lý. Cậu lần-lần hỏi-tướng từ lúc đầu thiết tiệc hoa-viên, cho đến nay lên đường kinh-quốc, nào thi, nào ca, nào thư-tiêu, nào đàm-thoại, đều như đổ cậu từng nước bước, dần dần bước ra khỏi chốn hạc nội mây ngàn, trời cao biển rộng, mà dần dần đập

chân xuống chốn lâu son gác tía, hương ấm ngọc mềm ».

Rồi bên tình bên lý, bên ái-ân, bên chí-khí, hai thành lũy trong thần-trí nổi lên một trường chiến-tranh... mãi sau mới vạch được mưu gian, Khái-Sinh mừng thấy người bạn gái, mà thấy luôn chân-tướng là bộ xương; mới viết một bức thư cho Hồ Thị-lang và gửi luôn bài Cỏ-lâu mộng-ký, quyết bỏ Dương-Hoa.

Hai họ Hàn và Hồ vì thất-hôn ấy mà sinh ra oán giận; bên họ Hồ quyết trả thù mới nghe. Hai mẹ con Mạc-thị và Ứng-Mộng, phải Hàn-công dể bỏ, vì Hàn-công nghe theo con trai đầu làm Ân-sát Sơn-dòng muốn giành gia-tài, nên nhất-định trục hai mẹ con Ứng-Mộng ra khỏi nhà. Mạc-thị thì buồn-rầu nhưng Khái-sinh yên trí lắm; giắt mẹ đến một am để xin vào nương-tựa cửa Phật.

Ít lâu, Khái-sinh đi lại sa vào tổ cướp, gặp một người thiếu-nữ là Tiêu Điều-Nguyệt võ-ngệ cao-cường, lập mưu vào trại cướp ấy để tình việc thù-riêng.

Khái-sinh, Điều-Nguyệt, nhau nhau chị em, và cũng nhờ tình hiếu-sắc của hai chủ-trại, mà hai người đã khỏi phải tội chém đầu lại còn được phong chức trong trại. Điều-Nguyệt dạy cho Khái-sinh võ-ngệ rồi mới lập mưu hạ-thủ hai tên cướp... Một hôm Điều-Nguyệt bỏ trại ra đi nhờ Khái-sinh coi. Chính là hôm ấy, là ngày quan Văn Tông-Trần kết-hôn cùng Hồ Dương-Hoa, mà cũng là hôm ấy, Điều-Nguyệt, vì thù riêng giết Dương-Hoa mà giết viên Văn-Tông-Trần, rồi đem Dương-Hoa về trại.

Khái-sinh từ ngày nghĩ chân-tướng người đời chỉ là bộ cỏ-lâu, nên nghe

có người đàn bà về trại, lấy làm ghét lắm (sở dĩ Khái-sinh không ghét Điều-Nguyệt là vì nhớ ơn Điều-Nguyệt cứu vớt và dạy dỗ mình). Nhưng Khái-sinh cũng dậy xem cho biết, đến nơi thấy Dương-Hoa hoảng hốt, suy nghĩ một hồi, rồi nách grom cổ ra đi khỏi trại. Vừa bước ra lại gặp Điều-Nguyệt. Điều-Nguyệt ý cũng muốn cùng Khái-sinh hưởng chút phong-lưu, nên cố nài Khái-sinh trở về, nhưng bộ cô-lâu như trước mặt Khái-sinh, Khái-sinh bỏ đi, không biết rằng trong khi Dương-Hoa tỉnh dậy thấy đầu Văn Tông-Trần đã thất cổ chết.

Khái-sinh nghĩ rằng kếp bạc với đào grom thay vai đôi lợp trên thế-giới, và như đã hiểu được chân-lý, bèn đi, đi cố tìm một chủ-nghĩa.



Quyển Cô-lâu-mộng của Ngạc-Am tiên-sinh viết thật công-phu; không nói đến thể văn, nói những ý-tử trong truyện có thể cho là khác với phần nhiều tiểu-thuyết tả trước nay; Ứng-Mộng là người anh-hùng muốn phá tan nề-nếp xưa, muốn lấy con mắt khác người mà xem xét đời, hay Ứng-Mộng chỉ là đứa con bất-hiến, một người dở-dang quá ưu-thời mẫn-thế, ấy chỉ là tùy theo quan-niệm riêng của độc-giả. Theo thiên-ý của tôi, Ứng-Mộng là người có bản-tính riêng mà lại muốn làm nầy-nở nhân-cách của mình không để cho nó vào khuôn-mẫu nào cả; chí-khi của Ứng-Mộng thật lớn đã thắng được danh-vọng mà lại thắng nổi ái-tình với cái «mộng cô-lâu», Ứng-Mộng là một người thoát cái sáo xưa nay...

Giữa lúc thanh-niên nước ta dương chìm đắm vì những cái hư-danh và

ái-tình văn-vơ, quyền Cô-lâu-mộng ra đời như viên thuốc đắng để giã tặc. Có kẻ sẽ không ưa Ứng-Mộng vì khí kiêu-căng tự-phụ, nhưng có kẻ lại yêu Ứng-Mộng vì tư-tưởng cao-xa, có kẻ ghét Ứng-Mộng vì quan-niệm chán đời, như trông đàn bà mà chỉ thấy có bộ xương khô, song có kẻ lại thương Ứng-Mộng vì tính-cách không để cho huyết-khi thanh-niên tán mất vì sắc của người nhi-nữ.



Lối văn của Ngạc-Am tiên-sinh thật là trời-cháy; văn biết cũng có đôi người không ưa cách đề vẽ trên đời với vẽ dưới, tiếng đời đi với tiếng đời, tiếng ba đi với tiếng ba; nhưng ta cũng nên hiểu cho rằng Ngạc-Am ở trường Hán-học mà ra thì lối văn ấy chẳng lạ gì; vả chẳng cần gì phải phân-biệt văn cũ và văn mới, miễn là những lời nói đủ tả cho ta thấy rõ cái cảnh, con người, theo màu sắc của cảnh, theo tính-tình của người là đủ.

Trong quyển Cô-lâu-mộng, thi không thiếu gì những đoạn văn-chương hùng-dũng, khi-phách xứng với tâm-lý của bọn như Khái-sinh với Điều-Nguyệt. Trong cũng nên ghi ở đây đề làm bằng, khúc ca này của Khái-sinh đối lại với khúc ca «Trời không cùng» của Hồ Dương-Hoa:

Trời khó hỏi!

Đất khó hỏi!

Sự thế đảo-diên!

Kiếp người chìm nổi!

Ai giàu, ai mạnh, ai hiền-vinh?

Ai đói, ai hèn, ai tội lỗi?

Máu ai chảy thành sông?

Xương ai chônng tày núi?

Mà ai cơ-nghiệp vững đời đời?

Mà ai tượng đồng cao vọi vọi?

Thần phật hết thiêng liêng, thánh hiền
 hết tài giỏi.
 Không phải giáo Lão Dương kéo lại mặt
 trời, lưng không trối giới.
 Không phải nước sông Ngân, dội rửa
 sơn-hà, sạch mùi tanh thối.
 Phải chăng nhân-loại đến hồi cùng, tội
 hoa vòng quanh về vực lối?

Ai người phẫn đại,
 Câu ca cảm-khải?
 Xui khách giang-hồ thêm ái-ngại?
 Trông vờ con nước vẫn mênh-mông,
 Triều đâu như nổi sóng dùng-dùng!



Đây chỉ thuật sơ truyện Cô-lâu-mộng và chép một đôi cảm-trởng mà thôi. Có lẽ còn có cái sâu-xa, cái hay cái đẹp trong quyển truyện ấy, mà

kể viết mấy hàng này chưa biết chưa thấy hay là không biết không thấy và đợi có người đọc-giả khác công-bố cho hay. Nay xin tóm-tắt nói rằng quyển Cô-lâu-mộng là một quyển sách có giá-trị về văn-chương và tư-trởng đáng cho ta sáp vào tủ sách một bên quyển Quả-dưa-đỏ vậy.

CUNG GIỮ-NGUYỄN

Tiêu-chú. — Bản-chí chủ-bút có nhận được quyển Lời bèn hoa của ông Nguyễn Xuân Kỳ và Khúc ly-tao của ông Đỗ Huy-Nhiệm, đều là sách của Vị-giang văn-khố, Nam-định xuất-bản. Xin có lời cảm-tạ hai nhà thiều-niên thi-sĩ và sau này sẽ phê-bình.

N. P.

Kính cáo độc-giả

Ngài nào gửi thư mua Nam-Phong vào hồi tháng ba hoặc tháng tư, thì bản-chí gửi bán bắt đầu từ số báo tháng giêng Tây trở đi mà tính một hạn nửa năm hoặc cả năm. Nếu mua từ tháng tám hoặc tháng chín, thì cũng gửi bán bắt đầu từ số báo tháng bảy trở đi mà tính một hạn nửa năm hoặc thêm sang hạn sang năm nữa.

Thế là từ nay trở đi cứ kể mỗi hạn bắt đầu từ tháng giêng hoặc tháng bảy cho dễ tính toán số sách, chứ không tính hạn dở-dang tháng nào cũng được như trước nữa.

N.-P. kính-khải

BỮA CỎ NỢ MIỆNG



Mẹ Xả Hiêng chết. Hân phen này dân làng Đại-trần được mẹ rất no say vì hân giàu.

Làng Đại-trần, tuy quan đã bắt cải-lương, tình-giảm cái lệ khâu-trái nặng-nề, chiết-can lấy tiền sung quỹ để làm những việc công-ích cho làng. Nhưng than ôi! Nói cải-lương là chỉ cải-lương lấy lệ đó mà thôi, chứ thật ra thì lệ ngạch lại nặng hơn trước nhiều, vì những người bất-hạnh có cha hay mẹ chết thì vừa phải làm cỗ trả nợ miệng dân, lại vừa phải nộp tiền vào quỹ theo lệ tiền mà hội-dồng đã kê với nhà-nước. Nếu người nào bướng ngạnh mà không chịu làm cỗ trả nợ miệng dân thì họ nói xỉ-vả cho đến dè-nhục, và lại mang tiếng là bất-biểu nữa. Ai cũng biết lệ đó là nặng, là ác phong-tục, trói buộc nhau mà không sao bỏ được. Vì dân anh trước đã giở dấm ra dãi làng rồi, tội gì mà chẳng đòi người khác phải làm cỗ trả nợ miệng cho mình. Bởi vậy có lắm người lo ma cho bố hay mẹ xong rồi mà hết cả cơ-nghiệp, không thì cũng phải bót-chắt, nhịn ăn nhịn mặc đến suốt đời mới đủ, có người mới bị sa-sút nghèo quá phải đưa bố mẹ, vợ, con đi phương khác làm ăn, có kẻ thì mới dám về, để lo trả lệ làng, bằng nghèo mãi thì đành bỏ làng vậy.

Ấy cũng chỉ vì những cái lệ ăn-uống nặng-nề ấy mà suốt làng Đại-trần bây giờ không còn có ai là người giàu có được như khi trước, chỉ còn có xã Hiêng là người hơi có máu mặt mà thôi. Nhưng anh ta họ bé, lại thừa nhờ hân-vi nay mới khá nên hà-tiện, từ bé đến nay chưa từng có ma to giỗ lớn gì mời làng bao giờ,

người làng họ vẫn ghét, thường hay nói xỉ-vả vào mặt anh ta là « sãi không biết ngõ ». Anh ta cũng cứ làm ngo. Nhưng anh ta đã định bụng rằng hễ mẹ anh ta mà chết thì anh sẽ đãi làng một bữa cỗ « đại-bạ » thịt trâu rō béo, để cho những kẻ hay nói xấu anh ta phải thẹn. Trước một tháng nay, mẹ anh ốm nặng, anh đã dự-bị đủ đồ, nào trâu nào lợn, nào các đồ nấu, chẳng thiếu thứ gì.

Hôm ấy, một ngày về tháng sáu, trong nhà Xả Hiêng tiếng trống tiếng kèn inh-ỏi, tiếng khóc than rầu-rĩ hòa lẫn với tiếng giã giò hòm-bộp cùng tiếng chặt xương trâu chan-chát.

Trong nhà ngoài rạp, hai bên dân làng, từ ông lão móm cho đến cậu bé con mới biết cầm dĩa ngồi đông nghìn nghịt, chỉ chờ cỗ bưng lên, mặt trời đã đứng bóng vừa bữa rồi.

Hôm ấy tế thành-phục được sớm, nhưng lại vì các cụ quan-viên cãi nhau về việc phân biểu hơn kém, hội-dồng đòi tiền lệ ma, rồi ông nào cũng muốn cầm món tiền lệ ma ấy nên thành ra muộn chưa bưng được cỗ. Lúc ấy, các cụ đàn-anh quan-viên ai nấy đều say thuốc phiện và nói nhiều nên đều đã dúi bụng cả. Giai em thì vì uống nước chè tàu đặc, nhai trầu nhiều nên não cả ruột. Lại nhiều người vì vội đến sớm để tỏ lòng ân-cần với nhà đám, không kịp ăn cơm nhà nên đói nhòai, mệt lử cả người.

Vừa im tiếng cãi nhau thì các cụ truyền bưng cỗ. Người nhà dạ ran lên một lượt, rồi có bưng tới-tấp lên, bày khắp trong nhà ra đến ngoài rạp, mâm nào mâm ấy, đầy ngùn-ngụt những thịt

trâu, bắt là những bát vừa sáo nấu xong thơm ngào thơm ngọt.

Xã Hiêng cùng hai người em dâu đội mũ rơm, mình mặc áo thụng trắng vải sò, lưng thắt cái dây chuối, một tay bung mồm, một tay chống cái gậy trúc đi mời từ mâm trên đến mâm dưới, hết dãy bên nọ đến dãy bên kia. Mà đến mâm nào cũng gặt đầu cúi rạp xuống rồi nói một câu sáo cũ rằng : Thưa lạy các cụ, quan-viên, mẹ chúng tôi bất-hạnh về già, chúng tôi gọi là kiếm chén rượu nhạt kính dân, xin các cụ, quan-viên chiếu-lệ cho, có điều gì sơ-suất, xin các cụ, quan-viên miềm-chấp cho.

Đối với mâm nào anh ta cũng phải mời chào một cách rất là kính-cần, khúm-núm như thế cả. Vì theo thói làng, lệ làng thì nặng mà tình người làng lại khoan, nhà đám hơi có điều gì phật-ý làng thì làng không ăn cỗ cho, làng mà không ăn cỗ cho thì nhà chủ sẽ mang tiếng là người bất-hiểu và thiếu nợ làng, nhục đến vạn-dại.

Anh xã đi mời xong, rồi kể đến tiếng dân làng mời nhau, các cụ ngồi bên này mời các cụ ngồi bên kia, mâm dưới mời mâm trên, ồn-ào lên một lúc rồi các cụ mới so đĩa rót rượu uống.

Một cụ ngồi mâm trên trông thấy những miếng thịt tái đỏ hồng-hỏn cứ thỉnh-thoảng lại giắt nẩy lên một hai cái, thì chỉ vào đĩa mà bảo các cụ cùn; ngồi cùng mâm rằng :

— Thịt tái giắt thế này là trâu khỏe lắm đây. Tôi ăn tái trâu đã nhiều, nhưng chưa được ăn thịt con trâu nào khỏe như thế này !

Một cụ nữa nói :

— Ừ, bác Xã khéo lậu trâu thực !

— Bác ấy thực là người tử-tế nên cỗ bàn làm trung-hậu như thế này, chớ không đơn-bạc như ông Lý Cửu. Năm ngoái, ông ta lo ma mẹ làm cỗ cho dân

ăn như cho chó ăn. Thế mà dân cũng cứ cầm đầu, cầm cổ hung-hục mà ăn, chẳng ai dám há họng ra nói câu gì.

— Thôi chả lẽ trong làng với nhau, nói ra thì lại mang tiếng là tham ăn.

Ông chánh-hội nghe tiếng, cũng nói :

— Phải, ta cũng nên thiệp-liệp đi mới phải, « bĩ nhất thời, thữ nhất thời ». Bây giờ là cái thời buổi văn-minh, và làng đã cải-lương rồi, mình nói ra thì người ngoài người ta cười chết.

Ông Chánh-hội nói đoạn, thì dân làng đều ra đĩa. Bác Trương-cựu ngồi ở bàn nhì, tình hay vui đùa thấy những miếng thịt tái cứ giắt nẩy lên thì cầm đĩa gắp một miếng lên xem, thấy miếng thịt vẫn còn cứ giắt, bèn chỉ tay vào mà nói đùa rằng : « Á á ! Nhầy á ! Chạy chăng? chạy mà khô không vào bụng á ! » Rồi bác bỏ tọt miếng thịt tái ấy vào mồm, nhai và nuốt đánh ực một cái mà nói : « Ngon ! »

Mọi người đều xơi món tái ai cũng khen con trâu này thịt tái ngon.

Thịt tái ngon, các cụ cứ tí-tì chén mãi, hết chai rượu này lại gọi lấy chai rượu khác, hết đĩa tái nọ lại gọi lấy đĩa tái kia. Năm bảy người đứng hầu chỉ những tiếp tái mà mệt !

Các cụ uống rượu đã hơn một giờ đồng hồ mà chưa gọi cơm. Rượu ngà-ngà say, bấy giờ các cụ mới nói chuyện. Hết chuyện đám ma đến chuyện vào đám, hết chuyện làng đến chuyện nhà, hết khen người này lại chê người kia. Người này nói người kia nói, người nào cũng nói, ồn-ào như chợ vỡ.

Cụ Tiên nhai miếng thịt tái bõng cau mặt lại, thò tay vào bụng như có ý ngẫm-nghĩ một lúc rồi rí tai hỏi cụ Thứ ngồi bên cạnh :

— Cụ... cụ có giắt đầu bạc-hà đi đấy không ?

— Không, tôi không giắt.

Cụ Tiên lại cau mặt ngăm-ngăm một lúc rồi vừa đứng dậy vừa nói :

— Vô-phép các cụ, tôi chạy ra ngoài này một tí.

Nói chưa rút lời cụ liền đi ra sân.

Cụ vừa ra đến đầu sân thì gặp ngay xã Hiếng. Anh ta tưởng nhà dâm có điều gì sơ-suất nên cụ giận mà bỏ dờ cổ ra về, thì liền nắm lấy tay cụ mà van-vì nói :

— Lay cụ, nếu nhà cháu có điều gì sơ-suất xin cụ hãy tạm ngồi lại để nhà cháu có lời tạ cụ. Nếu cụ về bây giờ thì nhà cháu cực lòng quá. Tình xóm-lán, sân gần hơn ngõ, xin cụ nghĩ lại cho.

Cụ Tiên vừa giằng tay ra vừa nói :

— Thực quả tôi không có điều gì giận bác cả, bác để cho tôi ra ngoài này có chút việc cần.

— Lay cụ, việc gì thì xin cụ hãy để đến chốc nữa.

Anh xã còn đương dùng-dàng lời kéo cụ Tiên thì năm bảy cụ nữa cũng chạy ra. Anh ta vội gọi các em cùng người nhà ra mời các cụ vào.

Hai người em anh Xã cùng người nhà chưa kịp chạy ra mời các cụ, thì lại thấy chín mười người nữa đang uống rượu cũng bỏ dĩa bỏ chén chạy ra, rồi lại một lũ nữa cả trai em lẫn trẻ con cũng chạy ò cả ra sân ra công. Hai em và người nhà anh Xã giữ được người này thì người kia lại chạy mất, sau thấy ra nhiều quá không thể ngăn lại được nữa phải bó tay đứng nhìn,

Anh xã cứ vẫn tưởng nhà mình có điều gì làm phật-ý dân nên dân bỏ dờ cổ ma về, anh lại vừa chạy theo vừa van lay mời các cụ dân làng lại, nhưng các cụ chẳng thèm giã lời cứ chạy ò cả ra vườn ra công rồi vẩy-vá bữa ra đây. Bấy giờ

anh ta mới hiểu rằng các cụ không phải vì giận anh ta mà về, mà là các cụ đi tháo dạ. Có cụ mới chạy ra đến đầu sân thì đã « bĩnh » ra quần. Lại có người không kịp chạy « bĩnh » ngay ra chỗ chiếu ngồi. Có người chạy ra đến vườn rồi ngã gục xuống đấy, không sao dậy được. Cả nhà anh Xã biết là cổ có cái gì độc. Anh ta sợ chết diếng người đi, không biết làm thế nào được, phải cố thét người nhà và người làm giúp, người thì vội bưng cổ xuống dờ đi, người thì đi thay chiếu, người thì ra vườn vực các cụ vào. Rồi một mặt thì cho người đi hỏi thầy tìm thuốc để về sắc mà cấp-cứu cho các cụ dân làng. Một mặt thì bảo nhau bầy mặt cái tin ấy đi đừng lộ ra ngoài cho ai biết sợ vợ con các cụ biết mà vỡ-lỡ đến tai quan thì lại còn khốn to. Xã Hiếng vừa khóc mếu vừa bảo vợ ; « Một cái án-mạng bị vạ lây mà còn gông mang tù trói và hết cả cơ-nghiệp, nữa là từng dầy con người, nếu có mệnh nào cả, thì nhà ta khổ sở đến thế nào ! Quan-tài mẹ thì còn đó, khổn-khở quá ! » Vợ anh thì mặt tái mét đi, chân tay run như cây sậy, miệng xit-xoa kêu trời khẩn phật.

Nhưng cũng phúc bầy mười đời cho nhà Xã Hiếng, sau khi vực các cụ dân làng vào trong nhà và đồ thuốc cho thì đến chiều tối các cụ dần dần tỉnh lại và qua nạn cả, chứ không cụ nào đến nỗi thiệt mạng.

Hai hôm sau mẹ xã Hiếng cũng cắt ra đồng được tử-tế, nhưng dám đưa giã-tiện thôi.

Sau người làng họ cứ ngờ cho xã Hiếng đánh phẫn làng, nhưng xét ra mới biết rõ là con trâu có bệnh.

LÊ ĐỨC-NHUỘNG

VĂN-UYÊN

HỌA MUỐI PÀI

Khuê phụ thân

Của T. T. tiên-sinh

I

Xót nỗi chồng xót nỗi con,
Á Âu xa cách mấy thu tròn ;
Chiều trông sớm đợi càng ngao-ngán,
Đất rộng trời cao mấy nước non ;
Giấc bướm đêm thâu hồn lững-thững,
Canh gà ngày vắng dạ thon-von ;
Ngày qua tháng lại đã bao nỗi,
Khô héo mình ve lấm môi-mòn.

II

Mỏi-mòn chi xiết nỗi lo âu,
Con cách chồng xa có biết đâu ;
Tiếc nước nỉ-non hồn quốc oán,
Thương xuân rên-rỉ giọng ve sầu ;
Đã cam nung-nấu duyên vàng đá,
Nỡ phụ làm-than chốn lửa dầu ;
Bứt-rứt ruột tằm bao chấp nối,
Đăm-đăm ngày hạ lại đêm thâu.

III

Đêm thâu khi đứng lại khi ngồi,
Nhiệt-huyết lòng riêng mấy giao sôi ;
Những muốn ái-ân cho trọn kiếp,
Thà toan sinh tử quách cho rồi ;
Khen chê phở mặc lời non-nớt,
Sầu cạn lo gì việc nước nôi ;
Hiềm cuộc thịnh suy khôn ngánh mặt,
Nỗi-niềm chàng thấu hỡi chàng ôi !

IV

Chàng ôi ! Xuôi ngược nước sông Tương,
Đầu cuối cùng chung mối xót thương ;

Ngàn dặm đời no nơi đất khách,
Năm canh mê tỉnh chốn phòng hương ;
Tang-bồng chôn chặt hồn ba chiếc,
Cung kiếm vùi sâu chi bốn phương ;
Nông-nôi cao xanh ông có thấu ?
Những mong khi biển có khi thương.

V

Khi thương tình nghĩa chịu hai vai,
Biển lại càng thêm xót nỗi ai ;
Có miệng muốn cầm nên ngậm miệng,
Còn tai giả điếc hóa nợ tai ;
Gối nghiêng nệm chiếc thân đành một,
Dặm khách hồn quê bóng vẫn hai ;
Mẹ cách xa con, chồng cách vợ,
Cuộc đời như vậy sống chi dai ? !

VI

Sống dai sự thế biết thêm cùng,
Đã tử mình riêng lại tử chung ;
Mưa gió chắc chi mòn sức liễu,
Tuyết sương chưa dễ nhuộm gan tùng ;
Lá ngăn trước ngõ ve rên-rỉ,
Sương khóa đầy song gió lạnh-lùng ;
Thâm-thiết chồng con nơi đất khách,
Tơ lòng dòi-đoạn rối lung-lung.

VII

Lung-lung tơ rối gỡ không thành,
Văng-vẳng làng xa trống trở canh ;
Phát-phát gió xe hồng nhánh cúc,
Chênh-chênh trăng lọt xế bên mảnh ;
Đa mang cho lấm càng thêm bận,
Đầy đọa làm chi thể cũng đành ;
Rắp muốn vạc trời kêu cả tiếng,
Gheo người chi mấy hỡi cao xanh ?

VIII

Cao-xanh ông hỏi thấu cho không ?
 Chút nghĩa cương-thường nặng núi
 [sông ;

Duyên đã lỡ-làng chia cánh nhạn,
 Nghĩa coi sống thác nhẹ lòng hồng ;
 Đá vàng chung giữ niềm hương lửa,
 Sơn sắt riêng than phận lưới lồng ;
 Ai tới trời xanh nhờ nhân chút,
 Mượn chim ô-thước gửi tin chồng.

IX

Tin chồng muốn dăm thấu cho chăng ?
 Uất ức bao nhiêu nổi bất bằng ;
 Dứt giậu chẵn e làn cúc héo.
 Phá trời còn vị đám mây giáng ;
 Lặng tai nghe gió, sầu khôn cần,
 Tựa gối nhìn hoa, thắm khó ngăn ;
 Nông nổi nín đi không nín được,
 Canh khuya than-thở có vầng trăng.

X

Vầng trăng chệnh-chéch xế dầu non,
 Mờ tỏ chân mây đá mấy hòn ;
 Tranh vẽ giang-sơn màu khói nhạt,
 Đường in tang-hải vết sương mòn ;
 Áo khăn dấu cũ còn hơi-hám,
 Chuông trống chùa xưa vẫn bí-bon ;
 Cảnh đó người dầy chi tiết nổi,
 Thương thương chồng với nỗi thương
 [con.

M^{me} VÂN-ĐÀI

Mừng báo Nam-Phong

Trời nam hây-hây ngọn nam-phong,
 Muốn dăm xa đưa quạt giải nồng ;
 Nổi dấu Trưng-hoà bên phía bắc,
 Tổ tài tam-biến chốn phương đông ;
 Góp vai cỡi giặc cùng nòi-gống,

Lúc cợt khi cười với núi sông ;
 Muôn chúc phương nam ngày mạnh
 [gió.
 Nước triều bốn bề hợp cùng thông.

Mừng thọ bảy mươi

Mây râu in tuyết, tóc in sương,
 Thất-dật mừng ông thảo một chương ;
 « Cựu-học » xưa rèn khoa chữ Hán,
 « Cồ-hi » nay đúc luật thơ Đường ;
 Kỉ-niên ông thực hơn trong họ,
 Cấp kiến con nên liếng ở làng ;
 Mạch thọ nguyên từ tiên-tổ dẫn,
 Đền xuân nhẹ bước sân tàng thang.

NGUYỄN-TRẦN-XƯƠNG

Oan trung tự thân

Mười

Tiếng oan kêu đã rày trời,
 Chỉ trời xét thấu việc đời cho chăng.
 Vì dân đem chuyện gió trăng,
 Đều người oan phải cần rặng kẻ trời.

Nói

Tình oan khó tả,
 Chuyện trăng hoa ai khá đặt nên lời ;
 Thôi cần rặng bìm bụng kêu trời,
 Soi xét thấu những lời dơm-dặt đó.
 Chuyện thế có không không làm có,
 Mùi đời đen đỏ đỏ và đen ;
 Trăng thâu khôn tỏ được đèn,
 Rồi sẽ biết hay hèn cùng thực dối ;
 Ai nói không xin trời bắt tội,
 Can chi mà cãi chối chuyện gièm pha ;
 Trời kia gần đó chẳng xa,
 Lòng ngay cứ vững như ba chân kiềng ;
 Trên đầu đã có thần thiêng.

THU-DƯƠNG-TỬ (Ninh-giang)

THỜI-ĐÀM



PHÁP

Ông Doumergue với việc cải-cách chính-phủ.

Quan thủ-tướng DOUMERGUE đã bày tỏ trong báo « *Journal* » cải chính-sách của ông đối với việc cải-cách chính-phủ. Theo ý ông thì có hai điều phải cải-cách trước hết, là: tổ-chức lại bộ của quan thủ-tướng và mở rộng thêm quyền-hạn của Hội-đồng Kinh-tế quốc-gia.

* * *

ĐỨC

Đức đối với bản ước Đông-Âu.

Chính-phủ Đức tuyên-bố sẽ từ-chối không dự vào bản ước của các nước mạn tây và mạn đông Âu-châu, nếu không cho Đức được ngang hàng về binh-bị.

Số thất-nghiệp giảm dần.

Viên thư-ký bộ tài-chính tuyên-bố tại Nuremberg rằng: Số dân thất-nghiệp ở Đức nay đã giảm được 3 triệu 600 ngàn người, chỉ còn có 2 triệu 400 ngàn thôi. Ông dám quyết trong vài năm nữa cái nạn thất-nghiệp ở Đức sẽ hết hẳn.

ÁO

Cái họa Hitler.

Theo dư-luận báo-giới ở Áo hiện-thời thì đảng HITLER đang sửa-soạn tổ-chức một cách mới-mẻ để quấy-rối nước Áo một lần nữa. Hình như đảng Quốc-gia xã-hội mới chiêu-mộ được một đám dân Đức ở *Tchécoslovaquie* để tập-luyện cho thành-thuộc rồi mới cho sang quấy-rối nước Áo, và triệu-tập các đảng-viên đảng Quốc-gia xã-hội còn sót lại ở Áo, cùng là tuyên-truyền chủ-nghĩa của HITLER.

* * *

TÂY-BAN-NHA

Đảng cộng-sản và đảng xã-hội xung-đột với đảng Pha-xít.

Tại *Madrid* và nhiều nơi khác, hai đảng cộng-sản và xã-hội biểu tình xung-đột với đảng Pha-xít kịch-liệt.

Khám-phá một cuộc âm-mưu cách-mệnh lớn.

Trong một cuộc khám xét, sở cảnh-sát tìm ra được rất nhiều trái-phá súng ống và thuốc-dạn. Linh liền bắt giam nhiều đảng-viên đảng Xã-hội.

Quan thủ-tướng và quan tổng-trưởng bộ Nội-vụ nói quả có một cuộc âm-mưu cách-mệnh to-tát lắm. Trái với mấy lần trước, lần này đảng-viên đảng Xã-hội cũng dự vào các cuộc vận-dộng khuyh-phúc chính-phủ, do hai đảng Cộng-sản và Vô-chính-phủ (*Anarchistes*) tổ-chức.

..*
NHẬT

Thương-ước Nhật với Đông-dương

Theo tin *Rengo* thì Nhật-hoàng đã chuẩn-y bản thương-ước của Đông-dương và Nhật-bản đã ký với nhau.

Một trận bão lớn.

Hôm 21 Septembre một trận bão lớn đã tàn-phá 18 tỉnh-thành ở trung-bộ Nhật-bản. Số người chết đến hơn hai nghìn, 55.553 người bị thương, 180 người mất tích. Nước biển cuốn mất ngót 9 trăm nóc nhà và hơn 18 ngàn nóc bị đổ, 22 ngàn bị hư-hại, ngót 17 ngàn nhà bị ngập, 210 trường học bị tàn-phá, 331 chiếc cầu và 3401 chiếc tàu bị tổn-hại.

Nhà cửa đồ-dạc bị thiệt-hại chừng 500 triệu hoa-viên Nhật, các tàu bè 3 triệu, các nhà máy 200 triệu, các cường và nhà tư 100 triệu.

Hại nhất là mấy tỉnh *Osaka, Kyoto* và *Kobé*. Còn kinh-thành Đông-kinh không thiệt-hại mấy.

..*
XIÊM

Nội-các-ừ-chức.

Vi vấu ừ hạn-chế cao-su mà nội-các bị nghị-ện không tin-nhiệm nên

đã từ chức. Xiêm-hoàng giao cho ông PHYA BAHOL lập nội-các mới. Ông đã lập xong như sau này :

Thủ-tướng kiêm ngoại-giao : PHYA BAHOL ;

Quốc-phòng : LUANG BHIBUL ;

Nội-vụ : LUANG PRADIT ;

Tư-pháp : PHYA NITISAT ;

Tài-chính : PHYA MANAVATRAJSEV ;

Tiết-kiệm : PHYA SARAJUT ;

Học-chính : PHYA SARASASTRIPA PHAN ;

Hoàng-cung : CHAO PHYA VOROPHONGS,

Các ông PHYA ABHIBHAL, PHYA SMANTRAT và PHYA SASASAT BOLAKARN không được cử vì các ông ấy có trách-nhiệm trong việc hạn-chế cao-su đã làm cho nội-các trước bị thiêu số.

..*
HỘI QUỐC-LIÊN

Nga và A-phú-hân xin vào hội.

Trước kia Nhật vì việc Mãn-châu mà xin ra hội, kể đến Đức vì việc quân-bị cũng xin ra hội. Thế là Hội Quốc-liên mất hai hội-viên có thế-lực.

Mới đây lại có Nga xin vào hội.

Ngày 10 Septembre hội đã khai-mạc đại-hội-đồng thường-niên kỳ thứ 15 có đem việc Nga vào hội ra bàn. Có 30 nước đều là cường-quốc bỏ phiếu tán-thành. Kết-cục ủy-ban đầu-phiếu thừa-nhận Nga vào hội. Chỉ có ba nước phản-đối là Bồ-đào-nha, Hà-lan và Thụy-sĩ. Bảy nước bỏ phiếu trắng : Bỉ, *Luxembourg, Argentine, Vénézuela, Paraguay, Nicaragua* và *Cuba*. Ba nước không dự hội-đồng : Thổ-nhĩ-kỳ, *Irlande* và *Panama*.

Nga lại được dự vào ban thường-trực của hội.

Khi ông LITVINOFF là đại-biêu của

Nga bước lên diễn-đàn, các hội-viên quốc-tế cực-lực hoán-hô.

A-phú-hãn cũng đệ đơn xin vào hội, được hội-dồng bỏ 47 phiếu ưng-thuận thừa-nhận.

Còn Hoa-kỳ tuy chưa chính-thức

xin vào hội, nhưng đối với hội cũ chẳng thờ-ơ như trước, năm nay có cử một viên Thượng-sứ sang dự.

Ban trị-sự của hội định đến 15 Novembre sẽ họp kỳ hội-dồng bất-thường để xét lá đơn của Pháp về vấn-đề hạt Sarre.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU



Vấn-đề Trung-hoa có quan-hệ đến tình-hình thế-giới.

Hồ Hán-Dân vẫn khăng-khăng một mực phản-đối chính-phủ Nam-kinh, cho rằng chính-phủ ấy tạo nên do quyền quân-nhân độc-tái.

Nhân đến 18 Novembre sau này kỳ đệ-ngũ đại-hội-nghị của đảng Quốc-dân Trung-quốc họp, nên hôm gần đây có một phóng-viên tờ « Bắc-bình chính-yến » ở Hương-cảng có đến thăm Hồ, và hỏi ý-kiến Hồ về mọi việc. Hồ cực-lực phản-kháng chế-độ quân-nhân độc-tái, chính là phản-kháng bọn Tưởng Giới-Thạch, Uông Tinh-Vệ vậy. Phóng-viên nhân dịp hỏi Hồ về tình-thế các nước trong thế-giới. Về vấn-đề Á-đông này, Hồ nói:

— Vấn-đề Á-đông rất có mật thiết đến toàn-thế thế-giới. Hiện nay tình-thế Á-đông đang khó khăn, vậy muốn giữ cuộc hòa-bình thế-giới, các cường-quốc cần phải chữa ngay cái tình-thế ấy.

Trước đây Mỹ kết-liên với Nhật để đương đầu với Nga. Nhưng kết-quả chẳng ra gì. Ngày nay Mỹ kết-liên với Nga để đương đầu với Nhật, cũng như lần trước, kết-quả chẳng hơn gì.

Mỹ, Pháp và Anh theo chính-sách dân-quốc, hiện rất được hòa-thuận ở Á-đông, vì chẳng ai nhòm-nhỏ thuộc-địa của ai. Anh chẳng nhòm-nhỏ chi Phi-luật-tân, Mỹ chẳng để ý đến Đông-dương, mà Pháp thì chẳng hề chiếm-cứ ba đảo Malacca (Singapour), vì vậy ba cường-quốc ấy rất hòa-thuận với nhau ở Á-đông này. Duy chỉ có chú Nhật có cái dã-tâm đem sức mạnh ra có ý làm khó các cường-quốc ở Á-đông.

Nếu Trung-quốc có thể kết-liên được với Anh, Pháp và Mỹ thì vấn-đề Á-đông hiện đang khó-khăn có thể giải quyết được ngay, chẳng những Nhật mất cái hi-vọng làm bá-chủ Á-đông, mà cuộc chiến-tranh thế-giới thứ nhì cũng có thể tránh được.

Nói tóm lại ba cường-quốc Pháp, nếu cứ giữ cái thái-độ vô-tâm, chẳng lưu-tâm đến việc bên cạnh, thì một ngày kia, quyền-lợi ở Tàu dùng một cái sẽ bị Nhật cướp mất.

Chính-phủ Nam-kinh sẵn sàng đến những người thất-nghiệp ở trường Đại-học.

Trung-tuần tháng trước, viện hành-chính họp hội-dồng do Uông Tinh-Vệ

đá-tích. Trong các việc đem bàn, có việc quan-trọng nhất là vấn-đề tri-thức thất-nghiệp. Hiện nay trong nước có rất nhiều người có bằng-cấp ở ngoại-quốc về hoặc của trường Đại-học Trung-hoa, mà vì tình-thế khủng hoảng đành phải ngồi nhà không có việc chi làm cả. Bàn-luận hồi lâu, viện Hành-chính quyết-định rằng từ nay chính-phủ sẽ giúp cho những người này tìm việc. Chính-phủ sẽ đứng làm môi-giới các người thất-nghiệp với các nơi cần người làm.

Nghiêm-trị bọn dân nghiện.

Chính-phủ Bắc-bình vừa cho yết-thị khắp mọi nơi bản-lệ-luật mới thi-hành đối với bọn nghiện các chất thuốc mê như *cocaine*, *héroïne*, *morphine*, thuốc phiện. Lệ-luật này thi hành từ ngày 8 Août 1934. Sở cảnh-sát Bắc-bình ngày nào cũng tóm bắt được vài ba đám nghiện. Bọn bị bắt hoặc phải tống-lao, hoặc phải đưa đi nhà thương chữa cho khỏi nghiện. Khi ở nhà thương ra sẽ phải chụp ảnh gửi lại sở căn-cước, chính-phủ lại cấp cho một giấy chứng-nận.

Nếu bắt đến lần thứ nhì thì phải giải-đến giam tại đại-doanh quân-đội Bắc-bình, Thiên-lân để rồi đem bán Ghê chưa!

Hại nhất là với bọn nghiện. Đối với việc bán các chất thuốc mê ấy, khi bắt kh, rợc chỉ hỏi qua-qua thôi, rồi đem bán lên.

Ở tỉnh Sơn-tây, chính-phủ hàng tỉnh xin với Nam-kinh đứng trừng phạt bọn nghiện thuốc-phiện. Làm như thế là ý để bọn nghiện các chất độc như *caine*, *héroïne*, *morphine*, v. v. sẽ bỏ những chất ấy mà nghiện thuốc phiện ít chừa hơn.

Tình-thế Nga Nhật ở Mãn-châu.

Kỳ trước đã nói Nga cùng Nhật Mãn-châu tình-thế ngày càng hiểm-ác, người Nhật chỉ muốn cướp không con đường Trung-đông, nên gây ra nhiều chi-yếu rắc-rối làm cho Nga chán mà phải bỏ con đường ấy. Nga cũng hiểu rõ chỗ dụng-tâm của Nhật, nên đã khởi sự mua bán đề hoãn chuyện lại mà lo sắp-đặt quân-bị nọ kia. Hai bên mở cuộc đàm-phán đã lâu mà giải-quyết không xong, gần đây cục-diện càng thêm khàn-bức.

Hiện đường ấy xảy ra tấn kịch bị cướp và xe úp luôn, mà chuyến xe về mặt nam-bộ mới rời, người Nhật nghi-riết cho người Nga chủ-động. Vì tấn kịch ấy người Nhật chết nhiều mà người Nga lại vô-sự.

Còn bên Nhật thì lâu nay bắt viên-chức Nga làm việc ở con đường ấy k có sáu bảy mươi người, tra-tấn cứ hình, dụng ý là buộc cho những người kia thú nhận sự hành-động phá-xe-hóa, để đổ tội cho Nga bay gi.

Tin Bắc-bình nói : Hai sự-đoàn Nhật mới từ Triều-tiên sang Bắc-mục-dịch là để phòng nước Ng

Các nhà đươg-cục chính-phủ Trung-ương gần đây lại được tin báo về Đệ tam-quốc-tế mặt-phái đảng sang Tàu để hoạt-động, nghe nơi rịch đã có người sang tới Tàu và nhân đi các tỉnh để tổ-chức những cuộc vận-động lớn cho thợ-thuyền. Chính-phủ Trung-ương được tin như vậy, muốn phòng giữ nghiêm ngặt để khỏi có ảnh-hưởng-đến cuộc an-nguy của dân Tàu, nên đã ra lệnh thông-sứ đi khắp nước, để các đảng-bộ các tỉnh chuyển sức cho các cơ-quan, các đoàn-thể, biết tin mà phòng-bị trước.